

ĐỀ 1

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
NGỮ VĂN LỚP 11
Thời gian: 90 phút

I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vắng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián.

Trong một không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi trên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, làm họ dụi mắt lia lia.

Một người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bung chấu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản, ông Huân Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy và đĩnh đạc bảo:

- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thoi mực, thầy mua ở đâu tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?...Tôi bảo thực đấy: thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đốt cháy rừng rực, lửa rụng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức chằm, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh."

(Trích *Chữ người tử tù* – Nguyễn Tuân, sách *Ngữ văn 11 tập một*, trang 113 – 114, NXBGD, 2009)

Câu 1. Xác định nội dung cho đoạn trích trên.

Câu 2. Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào? Từ “*thiên lương*” trong đoạn văn bản trên có nghĩa là gì?

Câu 3. Em hãy rút ra ý nghĩa tư tưởng từ đoạn văn trên.

Câu 4. Viết một đoạn văn (7-10 dòng) trình bày suy nghĩ của anh chị về việc làm thế nào để có thể giữ được bản tính tốt của con người.

II. Làm văn (6,0 điểm)

Anh (chị) hãy phân tích giá trị nhân đạo trong truyện ngắn “*Chí Phèo*” của Nam Cao.

----- HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

Phần I. Đọc hiểu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Câu 1	Tác giả miêu tả cảnh Huấn Cao cho viên quản ngục chữ và khuyên quản ngục tìm chốn khác ở để giữ thiên lương và thờ cái đẹp.	0,5
Câu 2	- Phương thức tự sự - Nghĩa của từ <i>Thiên lương</i> : bản chất tốt của con người do trời phú cho.	1,0
Câu 3	Ý nghĩ tư tưởng của đoạn trích văn bản: + Dù trong hoàn cảnh nào thì cái đẹp vẫn mang sức sống tiềm tàng. Nó có thể hình thành và ra đời trong môi trường cái xấu, cái ác. Nhưng không vì thế mà nó lụi tàn. + Gốc của cái đẹp chính là thiên lương. Muốn thưởng thức cái đẹp phải giữ cho thiên lương lành vững. + Cái đẹp, cái thiện có sức mạnh cảm hóa con người. Đó là sự khẳng định của nhà văn về sự chiến thắng của cái Đẹp, cái Thiện.	1,0
Câu 4	a. Về kĩ năng: HS phải viết đoạn văn có đầy đủ 3 phần: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. Tránh mắc những lỗi về chính tả, lỗi diễn đạt. b. Về kiến thức: các em trình bày được ít nhất hai giải pháp - Chọn môi trường lành mạnh để học tập, vui chơi, giải trí. - Bản thân mỗi người tự giác rèn luyện, biết tự kiểm chế, biết vượt qua những cám dỗ và tiêu cực trong cuộc sống. - Xây dựng mục tiêu, ước mơ, lý tưởng riêng để không ngừng phấn đấu trong học tập và cuộc sống...	1,5
Phần II. Làm văn	1. Yêu cầu về kĩ năng - HS xác định đúng thể loại bài viết: Nghị luận về một phương diện trong một tác phẩm văn xuôi. - Hành văn lưu loát, diễn đạt chặt chẽ, dẫn chứng chính xác, hào hùng. - Khuyến khích những bài viết sáng tạo, sâu sắc. 2. Yêu cầu về kiến thức HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ những	

ý cơ bản sau:

Mở bài	<p>Giới thiệu về:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu khái quát về Nam Cao.- Hoàn cảnh, xuất xứ của "<i>Chí Phèo</i>".- "<i>Chí Phèo</i>" trở thành một kiệt tác chính là nhờ ở giá trị nhân đạo vừa sâu sắc, vừa độc đáo, mới mẻ của tác phẩm.	0,5
Thân bài	<p>1. Giải thích khái niệm</p> <p>Giá trị nhân đạo là giá trị cơ bản nhất của tác phẩm văn học chân chính, được tạo nên bởi niềm cảm thông sâu sắc đối với nỗi khổ đau của con người, sự nâng niu, trân trọng những nét đẹp trong tâm hồn con người; đồng thời tác phẩm cũng đã đứng về phía các nạn nhân mà lên án những thế lực tàn bạo chà đạp lên hạnh phúc, quyền sống và phẩm giá của con người.</p> <p>2. Giá trị nhân đạo trong tác phẩm "<i>Chí Phèo</i>"</p> <p>Trong tác phẩm "<i>Chí Phèo</i>", Nam Cao đã dành cho người nông dân mà ông từng gắn bó những tình cảm nhân đạo rất sâu sắc và rộng lớn.</p> <p>a. Tư tưởng nhân đạo của Nam Cao ở đây trước hết được biểu hiện ở chỗ đã khám phá ra nỗi khổ bị đày đoạ, lãng nhục, bị cự tuyệt quyền làm người của người lao động lương thiện. Nam Cao bày tỏ niềm cảm thông sâu sắc với nỗi khổ đó.</p> <p>b. Qua tấn bi kịch và số phận bi thảm của Chí Phèo, Nam Cao đã cất lên tiếng kêu cứu thảm thiết và đầy phần uất cho người lao động lương thiện: Làm thế nào để cho con người được sống một cuộc sống xứng đáng trong cái xã hội vui đập nhân tính ấy; hãy tiêu diệt hoàn cảnh phi nhân tính, hãy làm cho hoàn cảnh trở nên nhân đạo hơn.</p> <p>c. Tư tưởng nhân đạo của Nam Cao trong tác phẩm "<i>Chí Phèo</i>" còn thể hiện qua thái độ lên án gay gắt những thế lực tàn bạo đã gây nên tấn bi kịch đau thương cho người lao động (bọn thống trị độc ác;</p>	1,0 4,0

nhà tù thực dân; những thành kiến, định kiến vô nhân đạo).

d. Tư tưởng nhân đạo đặc sắc, độc đáo của Nam Cao ở đây còn được thể hiện ở thái độ trân trọng, nâng niu những nét đẹp người nông dân. Cao hơn nữa, nhà văn còn khám phá ra những phẩm chất lương thiện của họ ẩn giấu đằng sau những tâm hồn tưởng như u mê, cần cỗi.

* Những vẻ đẹp ở Chí Phèo:

- Chí Phèo vốn là người nông dân lương thiện

+ Khỏe mạnh về thể xác (anh canh điền khỏe mạnh).

+ Lành mạnh về tâm hồn:

· “Một thẳng hiền như đất”.

· Giàu lòng tự trọng, biết “không thích cái gì người ta khinh”; biết phân biệt giữa tình yêu cao thượng và cảm giác nhục dục thấp hèn. Những lần “bà ba, cái con quỷ cái” bắt hắn làm những việc không chính đáng “hắn thấy nhục, chứ yêu đương gì”.

+ Hắn đã từng mơ ước rất bình dị: “Có một gia đình nho nhỏ, chông cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải”, nuôi một con lợn để làm vốn liếng. “Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm”.

- Bị nhà tù xã hội thực dân phong kiến biến Chí thành “*con quỷ dữ làng Vũ Đại*”, nhưng dưới đáy sâu tâm hồn hắn vẫn lấp lánh ánh sáng nhân phẩm.

+ Khát khao tình yêu hạnh phúc lứa đôi: biết yêu thương, biết “*say sưa*”, “*rung rung*” và “*bẽn lẽn*” nhận ra hương vị cháo hành “*Trời ơi mới thơm làm sao!*”. Đó là hương vị của tình người, của tình yêu chân thành, của hạnh phúc giản dị và thắm thía lần đầu tiên Chí Phèo được hưởng. Chí Phèo muốn được sống với Thị Nở: “*Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?*”. Và khi bị “*cắt đứt mối tình*”, Chí biết tiếc, biết buồn, biết khóc và uất ức, giận dữ.

+ Khát khao được làm người lương thiện. Chí Phèo “muốn được làm người lương thiện!” “Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao!”. “Thị Nở có thể sống yên ổn với hắn thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng... của những người lương thiện”. Điều đó đã có lúc khiến Chí Phèo hồi hộp hi vọng.

+ Có tinh thần phản kháng: Khi bị Thị Nở cự tuyệt và nhận ra mọi

ngõ đường trở lại xã hội loài người bị chặn đứng, Chí Phèo đã đến thẳng nhà Bá Kiến, vung lưỡi dao căm hờn lên giết chết Bá Kiến - kẻ thù khủng khiếp đã cướp đi cả nhân hình lẫn nhân tính của Chí để đòi quyền làm người lương thiện của mình. Sau đó Chí Phèo đã tự sát vì tuyệt vọng, vì Chí không muốn sống tăm tối, tủ nhục như kiếp sống thú vật nữa.

Dựng lên một hình tượng người nông dân bị tha hóa, “một con quỷ dữ của làng Vũ Đại”, Nam Cao không hề có ý định bôi nhọ người nông dân, trái lại đã đồng cảm khẳng định nhân phẩm của họ, trong khi họ đã bị rách nát cả hình hài lẫn tâm hồn. Điều đó chứng tỏ con mắt nhân đạo của Nam Cao rất sâu sắc, mới mẻ và “*tin đời*”.

* Những vẻ đẹp của nhân vật Thị Nở:

- Tư tưởng nhân đạo độc đáo và mới mẻ của Nam Cao trong tác phẩm “*Chí Phèo*” còn được biểu hiện ở việc phát hiện ra vẻ đẹp của nhân vật Thị Nở.

+ Dưới ngòi bút của Nam Cao, Thị Nở đã trở thành người phụ nữ rất giàu tình thương. Đằng sau cái bề ngoài xấu xí và tính khí “*dở hơi*” còn ẩn chứa một trái tim nhân hậu. Khi Chí Phèo bị ốm, Thị Nở đã chăm sóc tận tình... Với bàn tay dịu dàng, ấm nóng nhân tình của người phụ nữ, Thị đã mang đến cho Chí một bát cháo hành còn “*bốc khói*”. Chính bát cháo hành ấm nóng tình người ấy đã đánh thức dậy nhân tính của Chí Phèo.

+ Cũng như những người phụ nữ khác, Thị Nở rất khao khát tình yêu và hạnh phúc. Cuộc gặp gỡ của hai kẻ khốn khổ đã tạo nên sự đồng cảm và Thị Nở đã yêu Chí Phèo, ước ao được sống chung với Chí. Tình yêu đã làm cho người đàn bà “*xấu đến nỗi ma chê quỷ hờn*” ấy biến đổi một cách kì diệu: “*Trông thị thế mà có duyên. Tình yêu làm cho có duyên*”. Phát hiện ra điều đó chứng tỏ cái nhìn nhân đạo của Nam Cao có chiều sâu hiếm có.

Kết bài

“*Chí Phèo*” là một tác phẩm có giá trị nhân đạo vừa sâu sắc, vừa độc đáo, mới mẻ. Giờ đây, nền văn học Việt Nam đã bước sang thiên niên kỉ mới, nhìn lại chặng đường đã qua, “*Chí Phèo*” của Nam Cao vẫn được xếp và hàng kiệt tác trước hết là ở giá trị nhân đạo sâu sắc, độc đáo đó.

0,5

ĐỀ 2

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
NGỮ VĂN LỚP 11
Thời gian: 90 phút

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 ĐIỂM)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“{...} Mẹ ơi, tiền quan trọng đến thế nào với gia đình mình thì chắc mẹ hiểu rõ hơn con. Cứ nghĩ đến tiền là con lại nhớ đến những đêm bố mất ngủ đến rạc cả người, nhớ đến những vết chích ven sưng to như quả trứng gà của mẹ, nhớ đến cả thìa đường pha cốc nước nóng con mang cho mẹ để mẹ uống bồi bổ mỗi tối. Mẹ vất vả đến mức sữa ông thọ rỏ tiền mà cũng không mua để tự bồi dưỡng sức khỏe cho mình.

Con sợ tiền mà lại muốn có tiền. Con ghét tiền mà lại quý tiền nữa mẹ ạ. Con quý tiền và tôn trọng tiền bởi con luôn biết ơn những người hảo tâm đã giúp nhà mình. Từ những nhà sư tốt bụng mời mẹ đến chùa vào cuối tuần, những cô bác ở Hội chữ thập đỏ quyên góp tiền giúp mẹ và gia đình mình. Và cả những người bạn xung quanh con, dù chưa giúp gì được về vật chất, tiền bạc nhưng luôn quan tâm hỏi thăm sức khỏe của mẹ... Nhờ họ mà con cảm thấy ấm lòng hơn, vững tin hơn.

Con cảm thấy bất lực ghê gớm và rất cần rút lương tâm khi mẹ không đồng ý với các kế hoạch của con. Đã có lúc con đòi đi lao động, đi làm gia sư hay đi bán bánh mì “tam giác” như mấy anh sinh viên con quen để kiếm tiền giúp mẹ nhưng mẹ cứ gạt phăng đi. Mẹ cứ một mực “tổng” con đến trường và bảo mẹ chỉ cần con học giỏi thôi, con giỏi thì mẹ sẽ khỏe.

Vâng, con xin nghe lời mẹ. Con vẫn đến trường. Con sẽ cố gắng học thật giỏi để mẹ và bố vui lòng. Nhưng mẹ hãy để con giúp mẹ, con đã nghĩ kỹ rồi, không làm gì thêm được thì con sẽ nhịn ăn sáng để tiết kiệm tiền. Không bán bánh mì được thì con sẽ ăn cơm với muối vừng. Mẹ đừng lo mẹ ạ, mẹ hãy an tâm chạy chữa và chăm sóc cho bản thân mình. Hãy để con được chia sẻ sự túng thiếu tiền bạc cùng bố mẹ. Vậy con khẩn thiết xin mẹ đừng cần nhằn la mắng con khi con nhịn ăn sáng. Mẹ đừng cảm đoán con khi con đi lấy chày, cối để giã lạc vừng. Dù con đã sút 8 cân so với năm ngoái nhưng con tin rằng với sự thấu hiểu lẫn nhau giữa những người trong gia đình thì nhà ta vẫn có thể sống yên ổn để đồng tiền không thể đóng vai trò cốt yếu trong việc quyết định hạnh phúc nữa.

Đưa con ngọc nghịch của mẹ, Nguyễn Trung Hiếu”.

(Theo Bài văn lạ của học trò nghèo gây “sốc” với giáo viên trường Amsteddam, báo điện tử Dân trí, ngày 6-11-2011)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ, những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn?

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn văn?

Câu 3: Theo anh/chị vì sao người con lại nói: *Con sợ tiền mà lại muốn có tiền. Con ghét tiền mà lại quý tiền, mẹ ạ. ?*

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm): Từ tâm sự của người con trong đoạn văn trên anh/chị có suy nghĩ gì về câu nói: *Tiền mua được tất cả trừ hạnh phúc ?* (Trình bày trong 01 đoạn văn không quá 200 chữ).

Câu 2. (5,0 điểm) Cảm nhận về hình ảnh bà Tú trong đoạn thơ sau:

“*Quanh năm buôn bán ở mom sông.*

Nuôi đủ năm con với một chồng

Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông”.

(Trích “*Thương vợ*”- Trần Tế Xương- SGK Ngữ văn 11, tập 1)

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

Phần 1: Đọc hiểu

Câu 1:

- Đoạn văn thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. **(0,5 điểm)**
- Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn: biểu cảm, tự sự, nghị luận. **(0,5 điểm)**

Câu 2: (1,0 điểm)

Nội dung chính của đoạn văn: thông qua hình thức viết thư gửi cho mẹ, người con đã nói lên suy nghĩ của mình về sự hiện diện của đồng tiền trong gia đình nghèo.

Câu 3: (1,0 điểm)

Người con nói: “con sợ tiền mà lại muốn có tiền. Con ghét tiền mà lại quý tiền, mẹ ạ”

Vì:

- Cậu bé có gia cảnh nghèo khó. Việc kiếm tiền đã trở thành gánh nặng đối với bố mẹ cậu bé. Thương cha mẹ, tận mắt chứng kiến những vất vả của bố, những vất vả của mẹ trong hoàn cảnh bệnh tật vì không có tiền. Cậu không muốn đồng tiền đóng vai trò cốt yếu trong việc quyết định hạnh phúc.
- Nhưng cậu lại muốn có tiền và quý tiền vì nếu như có tiền mọi khó khăn của gia đình cậu sẽ được giải quyết. Bố mẹ cậu sẽ đỡ vất vả hơn.

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

- Về hình thức: đoạn văn nghị luận không quá 200 chữ. Trong đó, có phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, thân đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (0.5)

- Về nội dung: (1.5)

- + Câu nói: “*tiền mua được tất cả trừ hạnh phúc* ?” nhận định về vai trò, giá trị của đồng tiền.
- + Tiền là vật ngang giá để trao đổi, mua bán hàng hóa.
- + Hạnh phúc là trạng thái, cảm xúc của con người khi được thỏa mãn một điều gì.
- + Tuy nhiên không thể phủ nhận giá trị của đồng tiền khiến chúng ta sống hạnh phúc hơn bởi chất lượng cuộc sống được nâng cao.
- + Vì thế ta không nên phủ nhận đồng tiền, cũng không vì tiền mà phủ nhận những giá trị tinh thần cao đẹp mang lại hạnh phúc cho ta.
- + Phê phán những người quá coi trọng đồng tiền, dùng tiền để mua chuộc tình cảm, công danh, làm ăn phi pháp...
- + Bài học cho bản thân: Học tập tốt, lao động chân chính để kiếm tiền, để tiền phục vụ cuộc sống... (Thí sinh có thể có kiến giải riêng nhưng cần đảm bảo đúng về nội dung, tư tưởng).

2 Yêu cầu về kiến thức.

Học sinh có thể làm theo nhiều cách song cần đạt được những ý cơ bản sau:

I/Mở bài : Nêu đúng vấn đề nghị luận: 0.5 điểm

II/Thân bài : Triển khai 1 số vấn đề cơ bản:

1/ Giới thiệu chung :- Vị trí, vai trò của người phụ nữ, người vợ trong xã hội xưa , trong thơ văn và trong thơ Tú Xương 1 điểm

2/ Cảm nhận; 3 điểm

a. Hai câu đề :

- Câu thơ mở đầu cất lên thật tự nhiên , dường như không chút gọt giũa mà nói được bao điều về hình ảnh và công việc làm ăn của bà Tú .
- Từ “quanh năm” diễn tả sự triền miên về thời gian , từ ngày này sang ngày khác , tháng này qua tháng khác và năm nào cũng vậy , bất kể mưa nắng , sớm trưa . Trong khoảng thời gian không ngơi nghỉ đó , bà Tú phải miệt mài với công việc “buôn bán” . Đó chỉ là kiểu buôn thúng bán mẹt , lời lãi chẳng được bao nhiêu ở chốn đầu sông cuối bãi .
- Hai từ “mom sông” cụ thể hóa không gian làm việc của vợ ông Tú , đó là nơi có thể đất hiểm trở , là doi đất nhô ra , ba bề là nước , khá chênh vênh nguy hiểm .
- Tú Xương đã quan sát , thấu hiểu cho nỗi vất vả của người vợ . Bởi vậy , ẩn sau mỗi lời thơ nômina bình dị là một niềm cảm thông , thương mến sâu lắng . Với người vợ , một lời cảm thông như vậy

của chồng cũng đủ để bù đắp cho bao nỗi đắng cay .

- Câu thơ thứ hai nêu lên căn nguyên sự vất vả của bà Tú . Bà phải gánh trên vai một trách nhiệm nặng nề “ nuôi đủ năm con với một chồng” . Phải chăm sóc , nuôi nấng một đàn con đông đảo năm đứa đã đủ cực nhọc lắm rồi . Vậy mà bà còn phải nuôi thêm cả đức ông chồng . Ai cũng biết ông Tú tài cao nhưng phận thấp , thành ra ông chí khí uất .

- Hai câu thơ đầu đã đặc tả sự nhẫn nại , đảm đang của bà Tú trước gánh nặng gia đình . Qua đó nhà thơ gián tiếp bày tỏ sự biết ơn đối với người vợ tận tảo của mình .

b./Hai câu thực

- Hai câu thơ đã cụ thể hơn tính chất , đặc thù công việc của bà Tú . Cách đảo ngữ “ lặn lội thân cò” , “ eo sèo mặt nước” tô đậm chân dung cực nhọc , lam lũ , bươn chải của bà .

- Nhà thơ mượn hình ảnh ẩn dụ “thân cò” trong ca dao để ví von với thân phận , cuộc đời người vợ của mình

- Nhà thơ đã đồng nhất thân phận bà Tú với thân phận của những người lao động vất vả , lam lũ . Thân cò còn gọi đáng về bé nhỏ , gầy gò , đáng thương tội nghiệp của người vợ ông Tú .

- Bà Tú bé nhỏ yếu ớt thế mà phải một mình thân gái dặm trường , đi làm qua những nơi “ quãng vắng” . Khi khô thì không sao nhưng khi trái gió rở trời , sảy chân bất kì thì không biết bà Tú sẽ gặp nguy hiểm chừng nào . Thế mới thâm thúy câu “Buôn có bạn , bán có phường” . Câu thơ mang sức nặng của tấm lòng thương cảm mà ông Tú dành cho vợ .

- Bà Tú không chỉ dấn thân những chỗ đông không mông quạnh mà còn phải chen chân trên những chuyến đò đông , phải chịu những tiếng “eo sèo”, những lời qua tiếng lại cò kè mặc cả , có lờm nguyệt chê bôi xô bồ . Đò đông gọi ra sự hiểm nguy , xô đẩy , chen chúc . vậy là “ cô gái nhà dòng” vì lấy ông Tú mà buộc phải nhắm mắt đưa chân quên đi lời mẹ dặn “ Sông sâu chớ lội đò đầy chớ qua” , phải lặn lội giữa chốn đời phàm tục để kiếm miếng cơm manh áo nuôi gia đình .

- Hai câu thơ chú trọng vào việc miêu tả nỗi vất vả , sự đảm đang của bà Tú . Ấn sâu câu chữ vẫn là tấm lòng nhà thơ với cái nhìn thương cảm , ái ngại , biết ơn , trân trọng .

III/Kết bài . 0.5 điểm

----- HẾT -----

ĐỀ 3	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NGỮ VĂN LỚP 11 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	---

I - ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Tan chợ vừa nghe tiếng sừng Tây,

Một bàn cờ thế phút sa tay.

Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,

Mắt ỏ đàn chim dáo dạt bay.

Bến Nghé của tiền tan bọt nước,

Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây.

Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,

Nỡ để dân đen mắc nạn này?

(Nguyễn Đình Chiểu, SGK Ngữ Văn, Tập 1, tr.)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên là gì? (1,0 điểm)

Câu 2. Đoạn trích trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (1.0 điểm)

Câu 3. Chỉ ra một biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản trên và tác dụng của biện pháp tu từ đó. (1.0 điểm)

II - LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Từ việc cảm nhận ở phần *Đọc - hiểu*, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 15 dòng) trình bày suy nghĩ của anh/chị về những mất mát trong chiến tranh.

Câu 2 (5 điểm)

Phân tích bài thơ *Thương vợ* của Trần Tế Xương để thấy được tấm lòng yêu thương, quý trọng vợ và nhân cách cao đẹp của nhà thơ.

----- Hết -----

Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

GỢI Ý CHẤM ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
Đọc Hiểu	Câu 1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên: biểu cảm	1,0
	Câu 2	Đoạn trích trên thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.	1,0
	Câu 3	– Biện pháp tu từ đảo ngữ – Tác dụng: Nhấn mạnh sự hoảng loạn của đất nước trong buổi đầu thực dân Pháp xâm lược.	1,0
Làm văn	Câu 1	Từ bài thơ trong phần <i>Đọc – hiểu</i> , hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 15 dòng) trình bày suy nghĩ của anh/chị về những mất mát trong chiến tranh.	2,0
	a.	Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận: chiến tranh và những mất mát của nó.	0,25
	a.	Giải thích được những mất mát trong chiến tranh về con người về của cải.	0,25
	b.	Những biểu hiện của sự mất mát: - Những con người đã nằm xuống vì chiến tranh: đó là những chiến sĩ hy sinh bảo vệ Tổ quốc; là những người dân vô tội, nhỏ bé. - Bất kỳ cuộc chiến nào xảy ra cũng tổn thất về của cải vật chất, mọi thứ tan hoang, bị tàn phá bởi bom đạn mà hàng chục năm	1,0

	<p>sal đó cũng chưa khôi phục được.</p> <p>- Những ám ảnh, hoảng loạn trong tâm trí mỗi người.</p>	
	<p>d. Bàn bạc mở rộng:</p> <p>- Phê phán chiến tranh phi nghĩa.</p>	0,25
	<p>e. Bài học nhận thức và hành động: Yêu hoà bình, xoa dịu những mất mát trong chiến tranh</p>	0,25
Câu 2	<p>Phân tích bài thơ <i>Thương vợ</i> của Trần Tế Xương để thấy được tấm lòng yêu thương, quý trọng vợ và nhân cách cao đẹp của nhà thơ.</p>	5,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học.</p>	0,5
	<p>Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề</p>	
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.</p>	0,5
	<p>Phân tích bài thơ <i>Thương vợ</i>.</p>	
	<p>c. Triển khai vấn đề thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	0,5
	<p>MB: Trần Tế Xương (1870 – 1907), thường gọi là Tú Xương. Ông là một người tài năng nhưng lận đận về quan trường.</p> <p><i>Thương vợ</i> là một trong những bài thơ hay và cảm động nhất của Tú Xương viết về vợ.</p> <p>TB: Phân tích theo các ý sau:</p>	0,5
	<p>a) Hai đầu đề:</p> <p>- Công việc, thời gian và không gian nơi bà Tú làm việc thể hiện sự nguy hiểm, vất vả.</p> <p>- Tác giả dùng số từ tự tách mình ra thành kẻ ăn bám.</p>	0,5
	<p>b) Hai câu thực:</p> <p>- Biện pháp đảo ngữ, hình ảnh ẩn dụ thân cò thể hiện thân phận người phụ nữ vất vả gian truân.</p> <p>- “Eo sèo”, “đò đông”, “quãng vắng” → sự vất vả hy sinh của bà Tú.</p>	0,5
	<p>c) Hai câu luận:</p> <p>- Thành ngữ “một duyên hai nợ”, “năm nắng mười mưa”: một duyên mà đến hai nợ nhưng bà Tú không một lời oán trách.</p> <p>- Số từ tăng tiến: 1-2-5-10, thể hiện đức tính hy sinh thầm lặng, chịu thương, chịu khó hết lòng vì chồng vì con.</p>	0,5
	<p>d) Hai câu kết:</p> <p>- Tú Xương tự chửi đồng mình “cha mẹ”.</p> <p>- Chửi cả xã hội đương thời.</p>	0,5
	<p>KB: Cảm nhận chung về hình ảnh bà Tú và nhân cách của Tú Xương.</p>	0,5

	c. Sáng tạo	0,25
	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc.	
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	

ĐỀ 4	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NGỮ VĂN LỚP 11 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	---

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu :

Sự lười biếng là thứ dễ nhận ra nhất. Bởi vì nó dị ứng kịch liệt với tất cả. Một công trình kiến trúc xấu xí, bắt chước một cách kệch cỡm, một bức tranh cổ động nhợt nhạt, một tác phẩm văn học dể dãi, một chương trình truyền hình dung tục, một bài diễn văn sáo mòn, một bản báo cáo nhạt từ những khẩu hiệu có sẵn, những bài phát biểu giống nhau, nghĩa là người nói chỉ cần nhắc lại mà không cần phải động não suy nghĩ... Lười biếng thuộc loại gây nhiều hậu quả nhất. Nó triệt tiêu sáng tạo, không chấp nhận sáng tạo (bởi vì đặt cạnh sự sáng tạo thì lười biếng bị lật tẩy), nó dung túng tội ác, gây lãng phí không sao tính đếm được, nó luôn muốn kéo cuộc sống xuống ngang bằng với những chuẩn mực vừa cỡ với nó, nó gieo rắc lòng nghi kị, đổ kị giữa con người với nhau. Nhưng tội tệ hơn tất cả những thứ tội tệ đó cộng lại là nó, sự lười biếng mà Ph. Ăng-ghen từng mỉa mai gọi là “bệnh lười chảy thây” cứ từ từ hạ nhân cách con người, nhân cách xã hội xuống cấp bầy đàn. Không chỉ cái đẹp mất chỗ đứng tại đó (thật kinh khủng nếu điều này xảy ra) mà ngay cả thứ dễ kiếm nhất là tình yêu đồng loại cũng biến mất.

(Theo Tạ Duy Anh, In trong *Nâng cao và phát triển Ngữ văn 11*, NXB Giáo dục, năm 2011, trang 225)

Câu 1. Xác định thành ngữ được sử dụng trong đoạn trích. (0.5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, lười biếng gây ra những hậu quả nào? (0.5 điểm)

Câu 3. Nêu nội dung của đoạn trích. (1.0 điểm)

Câu 4. Anh/Chị rút ra bài học gì từ nội dung đoạn trích trên? (Trình bày khoảng 5-7 dòng). (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về nhân vật Huân Cao trong tác phẩm “*Chữ người tử tù*” của Nguyễn Tuân.

HẾT

ĐÁP ÁN

I. ĐỌC - HIỂU		3.0
Câu 1	Xác định thành ngữ được sử dụng trong đoạn trích: lười chảy thây.	0.5
Câu 2	Theo tác giả, lười biếng gây ra những hậu quả: - <i>Triệt tiêu sáng tạo, không chấp nhận sáng tạo.</i> - <i>Dung túng tội ác, gây lãng phí không sao tính đếm được.</i> - <i>Luôn muốn kéo cuộc sống xuống ngang bằng với những chuẩn mực vừa cỡ với nó.</i> - <i>Gieo rắc lòng nghi kị, đố kị giữa con người với nhau.</i> - <i>Hạ nhân cách con người, nhân cách xã hội xuống cấp bầy đàn.</i> - <i>Tình yêu đồng loại cũng biến mất.</i> * Lưu ý: Học sinh trình bày đúng 2 ý cho điểm tối đa.	0.5
Câu 3	Nội dung của đoạn trích: Những biểu hiện và hậu quả của sự lười biếng. (Hoặc: Bàn về sự lười biếng)	1.0
Câu 4:	Rút ra bài học từ đoạn trích: Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, dưới đây là một số gợi ý: - Lười biếng là một thói quen xấu, gây nhiều tác hại cho con người. - Mỗi người cần sống tích cực, luôn đấu tranh loại bỏ sự lười biếng.	1.0
II. LÀM VĂN		7.0
1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài kết luận được vấn đề.		0.5
2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cảm nhận nhân vật Huấn Cao trong tác phẩm “Chữ người tử tù” của Nguyễn Tuân.		0.5
3. Triển khai vấn đề nghị luận: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể sắp xếp các luận điểm theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những yêu cầu sau:		
<i>a. Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuân, tác phẩm “Chữ người tử tù” và nhân vật Huấn Cao.</i>		05

<p><i>b. Cảm nhận về đẹp nhân vật Huấn Cao:</i></p> <p><i>* Về nội dung:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Huấn Cao mang cốt cách của người nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật thư pháp: viết chữ nhanh, đẹp, vuông và có thần... - Huấn Cao có khí phách hiên ngang, bất khuất của một trang anh hùng nghĩa liệt: xem thường cường quyền phi nghĩa, cái chết ... - Huấn Cao có thiên lương trong sáng: luôn trân quý tài năng, trọng nghĩa khinh lợi, mềm lòng trước cái đẹp, cái thiện và hướng người khác gìn giữ thiên lương... <p><i>* Về nghệ thuật:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt nhân vật trong tình huống truyện độc đáo. - Khắc họa nhân vật ấn tượng bằng bút pháp lãng mạn để làm nổi bật vẻ đẹp lí tưởng của nhân vật. - Ngôn ngữ góc cạnh, giàu hình ảnh, có tính tạo hình, vừa cổ kính vừa hiện đại... 	<p>1.0</p> <p>1.0</p> <p>1.0</p> <p>0.5</p>
<p><i>c. Đánh giá chung:</i></p> <p>Nhân vật Huấn Cao kết tinh bút pháp nghệ thuật tài hoa, độc đáo của Nguyễn Tuân. Qua nhân vật Huấn Cao, nhà văn thể hiện quan điểm thẩm mỹ tiến bộ và tấm lòng yêu nước kín đáo.</p>	<p>1.0</p>
<p>4/ Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận</p>	<p>0.5</p>
<p>5/ Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	<p>0.5</p>
<p>ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II = 10.0 điểm</p>	

<p>ĐỀ 5</p>	<p>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NGỮ VĂN LỚP 11 <i>Thời gian: 90 phút</i></p>
--------------------	--

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (3, 0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Người ta có thể yêu nhau và ghét nhau nhưng xin đừng hãm hại nhau. Tôi sợ lắm những gì mang đến bất hạnh cho con người. Hãy cố gắng mang đến cho nhau những giấc mơ, những giấc mơ làm nên hạnh phúc. Đi đâu, đến đâu cũng chỉ thấy những nụ cười. Những nụ cười như đóa hồng đĩa bé cầm trên tay đi qua những phố rục rờ một lòng yêu thương vô tận. Chúng ta hình như thừa bạo lực nhưng lại thiếu lòng nhân ái”.

(Trích Viết bên bờ Loiret- Trịnh Công Sơn)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 2: Nêu ngắn gọn nội dung chính của đoạn trích?

Câu 3: Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu văn sau: *“Những nụ cười như đóa hồng đĩa bé cầm trên tay đi qua những phố rục rờ một lòng yêu thương vô tận”?*

Câu 4: Anh/ chị có đồng tình với ý kiến: “*Chúng ta hình như thừa bạo lực nhưng lại thiếu lòng nhân ái*” Vì sao?

Phần II: Làm văn (7 điểm)

Cảm nhận về hình ảnh bà Tú trong bài thơ *Thương vợ* của Trần Tế Xương.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu

Câu	Nội dung	Điểm
1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0.5
2	Nội dung chính đoạn trích: Đoạn trích là lời cầu khẩn tha thiết về mối quan hệ tốt đẹp, nhân ái giữa con người với con người.	0.5
3	- Biện pháp so sánh: Những nụ cười với đóa hồng đưa bé cầm trên tay đi qua những phố rục rờ một lòng yêu thương vô tận - Hiệu quả NT: + Tạo cách nói sinh động, giàu hình ảnh gợi cảm + Khẳng định ý nghĩa của những nụ cười yêu thương mà con người trao tặng cho nhau	1.0
4	Nêu rõ quan điểm đồng tình hay không đồng tình, lý giải hợp lí, thuyết phục. (HS lựa chọn nêu quan điểm và lí giải được quan điểm đã nêu – GV linh hoạt khi chấm bài)	1.0

Phần II: Làm văn (7 điểm)

2	Phân tích hình ảnh bà Tú và tình cảm thương vợ của ông Tú	7.0
	a. Yêu cầu về kĩ năng: - Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (Có đủ phần mở bài, thân bài, kết bài). - Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; cảm nhận sâu sắc; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. - Không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng.	0,50
	b. Yêu cầu về kiến thức: Bài viết phải đảm bảo các ý sau	
	* Giới thiệu chung: - Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận.	0,50
	* Phân tích một vẻ đẹp của hình tượng bà Tú trong bài thơ qua 4 câu thơ đầu - Hai từ "quanh năm" và "mom sông", một từ chỉ thời gian, một từ chỉ không gian hoạt động của nhân vật, thế mà cũng đủ để nêu bật toàn bộ cái công việc lam lũ của người vợ thảo hiền. - Hai câu thực gợi tả cụ thể hơn cuộc sống tảo tần gắn với việc buôn bán ngược xuôi của bà Tú. Thấm thía nỗi vất vả, gian lao của vợ, nhà thơ đã mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói về bà Tú: <i>Lặn lội thân cò khi quãng vắng, Eo sèo mặt nước buổi đò đông.</i> - Ba từ "khi quãng vắng" đã nói lên không gian heo hút, vắng lặng chứa đầy những lo âu, nguy hiểm. - Câu thơ dùng phép đảo ngữ (đưa từ "lặn lội" lên đầu câu) và dùng từ "thân cò" thay cho từ "con cò" càng làm tăng thêm nỗi vất vả gian truân của bà Tú. Không những thế, từ "thân cò" còn gợi nỗi ngậm ngùi về thân phận nữa. Lời thơ, vì thế, mà cũng sâu sắc hơn, thấm thía hơn. - Câu thứ tư làm rõ sự vất vả với cuộc sống đầy gian nan của bà Tú:	5.0

<p style="text-align: center;"><i>Eo sèo mặt nước buổi đò đông.</i></p> <p>Câu thơ gợi tả cảnh chen chúc, bươn trải trên sông nước của những người làm nghề buôn bán nhỏ. Hơn thế nữa "buổi đò đông" còn hàm chứa không phải ít những lo âu, nguy hiểm "khi quăng văng".</p> <p>=> Bốn câu thơ đầu thực tả cảnh công việc và thân phận của bà Tú, cũng đồng thời cho ta thấy tấm lòng xót thương da diết của Tú Xương.</p> <p>2/ Đức tính cao đẹp của bà Tú.</p> <ul style="list-style-type: none">- Vẻ đẹp của bà Tú trước hết được cảm nhận ở sự đảm đang, tháo vát, chu toàn với chồng con. Từ "đủ" trong "nuôi đủ" vừa nói số lượng, vừa nói chất lượng. Oái oăm hơn, câu thơ chia làm hai vế thì vế bên này (một chồng) lại cân xứng với tất cả gánh nặng ở vế bên kia (năm con). Câu thơ là một sự thật, bởi nuôi ông Tú đâu chỉ cơm hai bữa mà còn tiền chè, tiền rượu,.. Tú Xương ý thức rõ nỗi lo của vợ và cả sự khiếm khuyết của mình. Câu thơ nén một nỗi xót xa, cay đắng.- Ở bà Tú, sự đảm đang tháo vát đi liền với đức hi sinh. Đức hi sinh vì chồng vì con của bà Tú trước hết thể hiện ở việc bất chấp gian khó, chạy vạy bán buôn để nuôi gia đình. Nếu chỉ có thể thôi thì cũng đủ để nhà thơ cảm thương và trân trọng lắm rồi. Song dường như những lời thơ miêu tả còn chưa đủ, Tú Xương còn bình luận tiếp: <p style="text-align: center;"><i>Năm nắng mười mưa dám quản công.</i></p> <p>Thành ngữ "năm nắng mười mưa" vốn đã hàm nghĩa chỉ sự gian lao, vất vả nay được dùng trong trường hợp của bà Tú nó còn thể hiện được nổi bật đức tính chịu thương, chịu khó, hết lòng vì chồng vì con của bà Tú nữa.</p> <p>3/ Ý nghĩa lời "chửi" trong hai câu thơ cuối</p> <p>Câu thơ cuối là lời Tú Xương, Tú Xương tự rủa mát mình, cũng là lời tự phán xét, tự lên án:</p> <p style="text-align: center;"><i>Cha mẹ thói đời ăn ở bạc, Có chồng hờ hững cũng như không.</i></p> <p>Tiếng "chửi" thói đời bạc, sự hờ hững của chồng tương là của bà vợ, nhưng thực chất là lời tác giả tự trách mình, tự phê phán mình, một cách thể hiện tình cảm rất đặc biệt của nhà thơ với vợ.</p> <p>4/ Nỗi lòng thương vợ của nhà thơ</p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Thương vợ</i> dựng lên hai bức chân dung: Bức chân dung hiện thực của bà Tú và bức chân dung tinh thần của Tú Xương. Trong những bài thơ viết về vợ của Tú Xương, dường như bao giờ người ta cũng gặp hai hình ảnh song hành: Bà Tú hiện lên phía trước và ông Tú khuất lấp ở phía sau.- Ở bài thơ <i>Thương vợ</i> cũng vậy, ông Tú không xuất hiện trực tiếp nhưng vẫn hiện hiện trong từng câu thơ. Đằng sau cốt cách khôi hài, trào phúng là cả một tấm lòng, không chỉ là thương mà còn là biết ơn đối với người vợ.	
<p>*Đánh giá :</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu thương, quý trọng, tri ân với vợ, đó là những điều làm nên nhân cách của Tú Xương. Ông Tú không dựa vào duyên số để trút bỏ trách nhiệm. Bà Tú lấy ông Tú là do "duyên" nhưng "duyên" một mà "nợ" hai. Tú Xương tự coi mình là cái nợ đời mà bà Tú phải gánh chịu. Vậy là thiệt thòi cho bà Tú. Duyên ít mà nợ nhiều. Có lẽ cũng chính bởi điều đó mà ở trong câu thơ cuối, Tú Xương đã tự rủa mát mình: "Có chồng hờ hững cũng như không".- Điều lạ là dù xuất thân Nho học, song Tú Xương không nhìn nhận theo những quan điểm của nhà nho: Quan điểm "trọng nam khinh nữ", "xuất giá tòng phu" (lấy chồng theo chồng), "phu xướng, phụ tùy" (chồng nói vợ theo) mà lại rất công bằng. Tú Xương dám song phẳng với bản thân, với cuộc đời, dám nhìn nhận ra những khuyết thiếu của mình để mà day dứt, đó là một nhân cách đẹp.	0,5

c. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. Hành văn trong sáng.	0,25
d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25

ĐỀ 6	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NGỮ VĂN LỚP 11 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	---

I. PHẦN ĐỌC HIỂU: (3,0 điểm)

1. Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?
Nói ra sợ mất lòng em
Van em, em hãy giữ nguyên quê mùa
Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.
Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.

(Chân quê – Nguyễn Bính)

Câu 1: Bài thơ viết theo thể thơ nào? Tác dụng của việc sử dụng thể thơ đó? (1,0 điểm)

Câu 2: Phương thức biểu đạt của đoạn thơ ? (0,5 điểm)

Câu 3: Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai? (0,5 điểm)

Câu 4: Trong những câu thơ sau, nhà thơ sử dụng biện pháp tu từ gì? (1,0 điểm)

Nào đâu cái yếm lụa sồi? / Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân? / Nào đâu cái áo tứ thân? / Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

II. PHẦN LÀM VĂN

Câu I (2 điểm)

Từ bài thơ “**Chân quê**” Nguyễn Bính, Anh/chị có suy nghĩ gì về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. (Viết khoảng 200 từ)

Câu II (5,0 điểm):

Phân tích vẻ đẹp hình tượng nhân vật Huấn Cao trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

.....HẾT.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
Phần đọc hiểu		Đọc đoạn văn và trả lời từ câu 1 đến 4:	3,0
	1.	- Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát. - Tác dụng: Tạo được giọng điệu tâm tình, tha thiết, sâu lắng cho bài thơ và khắc họa thành công tâm trạng của nhân vật trữ tình: đợi chờ, xót xa, mong muốn người mình yêu hãy giữ vẻ đẹp chân quê, hồn quê đích thực.	0,5 0,5
	2.	- Phương thức biểu đạt chính : biểu cảm (có thể thêm: tự sự, miêu tả).	0,5
	3	- Nhân vật trữ tình: nhân vật <i>anh</i> – chàng trai.	0,5
	4.	- Biện pháp tu từ : + Liệt kê (trang phục của cô gái); + Câu hỏi tu từ (4 câu) : “Nào đâu cái yếm...nái đen? ”; + Điệp ngữ : <i>nào đâu</i> .	1,0
Phần làm văn	I	<i>Yêu cầu chung:</i> Thí sinh biết vận dụng kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận xã hội để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng, có cảm xúc, bảo đảm tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.	2,0
		Từ bài thơ “ Chân quê ” Nguyễn Bính ta đã bàn về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc: - Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng. Bản sắc đó không phải ngẫu nhiên mà có được. - Đó là kết quả của sự kết tinh những giá trị văn hóa gốc, căn bản, cốt lõi của dân tộc đã được thử thách qua thăng trầm. - Cho nên, ai cũng phải giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.	1,5
		- Bàn luận, mở rộng vấn đề: - Liên hệ một số đối tượng trong xã hội có lối sống đua đòi dẫn đến văn hóa truyền thống bị phá vỡ (dẫn chứng). - Cần tiếp thu có chọn lọc những giá trị tinh hoa của văn hóa các dân tộc khác để làm giàu có và phong phú thêm nền văn hóa dân tộc.	0,5
	II	<i>Phân tích vẻ đẹp hình tượng nhân vật Huấn Cao trong truyện ngắn “Chữ người tử tù ” của Nguyễn Tuân.</i>	5,0
		- Đảm bảo cấu trúc về bài văn nghị luận: Có đủ các phần mở bài , thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề; thân bài triển khai được vấn đề gồm nhiều ý/đoạn văn; kết bài kết luận được vấn đề.	0,5
		Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25
	1. Giới thiệu chung - Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuân, truyện ngắn “Chữ người tử tù” và nhân vật Huấn Cao.	0,25	
	Cảm nhận :		
	*Vẻ đẹp tài hoa:	0,25	

	<p>- Nhân vật Huấn Cao được đánh giá là nhân vật đẹp nhất trong thế giới nhân vật của Nguyễn Tuân và là nhân vật điển hình của văn học lãng mạn trước năm 1945</p> <p>- Huấn Cao được giới thiệu gián tiếp qua cuộc đối thoại của quản ngục và thầy thơ lại, ông là một người nổi tiếng về nghệ thuật thư pháp: “Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm...”</p> <p>- Chữ Huấn Cao đẹp bởi nó kết tụ tinh hoa, tâm huyết, hoài bão của người cầm bút nên quản ngục mới ước ao: “Có được chữ ông Huấn mà treo là có được vật báu trên đời” .</p> <p>- Quản ngục phải tốn nhiều công sức để hi vọng xin được chữ Huấn Cao. Ông bất chấp luật lệ nhà tù biệt đãi Huấn Cao.</p> <p>- Nguyễn Tuân không chỉ ca ngợi gián tiếp mà còn ca ngợi trực tiếp về đẹp tài hoa ấy của Huấn Cao trong cảnh cho chữ cuối cùng. Trước quản ngục và thầy thơ lại, Huấn Cao đúng là một nghệ sĩ thư pháp, ông dồn hết tâm huyết vào từng nét chữ: vuông vắn, tươi tắn, bay bổng, nói lên những hoài bão tung hoành của một đời người...</p>	0,25
	<p>*Về đẹp của khí phách hiên ngang, bất khuất :</p> <p>- Trước khi vào nhà lao, Huấn Cao là một trang anh hùng nghĩa hiệp, chọc trời khuấy nước.</p> <p>- Khi vào nhà lao, Huấn Cao vẫn hiên ngang, bất khuất, không run sợ trước cường quyền, bạo lực và cái chết (hành động lạnh lùng chúc mũi gông nặng trước mặt quân lính, thản nhiên nhận rượu thịt, thái độ khinh thường quản ngục...).</p> <p>=> Hình tượng Huấn Cao tiêu biểu cho những anh hùng nghĩa liệt dựng cờ chống lại triều đình, tuy chí lớn không thành nhưng vẫn hiên ngang bất khuất, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.</p>	0,25
	<p>* Về đẹp của thiên lương trong sáng:</p> <p>- Thiên lương là lòng tốt, tâm sáng. Nếu Huấn Cao chỉ có tài hoa, khí phách mà thiếu thiên lương thì Huấn Cao chưa phải là nhân vật hoàn mỹ</p> <p>- Thiên lương của Huấn Cao được thể hiện ở tính cách thẳng thắn, trọng nghĩa khinh tài. Ông viết chữ không vì vàng ngọc hay quyền thế mà vì sự gặp gỡ tâm hồn của những người yêu cái đẹp.</p> <p>- Huấn Cao không chỉ cho chữ mà còn tặng Quản Ngục những lời khuyên quý giá nhằm cứu vớt con người lầm đường lạc lối.</p> <p>=> Qua nhân vật Huấn Cao, Nguyễn Tuân muốn thể hiện quan niệm về cái đẹp, khẳng định sự bất tử của cái đẹp và mối quan hệ mật thiết giữa cái Tài và cái Tâm.</p>	0,25
	<p>* Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật:</p> <p>- Tạo dựng tình huống truyện độc đáo.</p> <p>- Sử dụng thành công thủ pháp đối lập.</p> <p>- Bút pháp lãng mạn lí tưởng hóa, ngôn ngữ giàu tính tạo hình...</p>	0,75
	<p>Kết thúc vấn đề:</p> <p>- Đánh giá chung về tác phẩm và nhân vật .</p> <p>-Chính tả, dùng từ, đặt câu.</p> <p>- Đảm bảo quy tắc chính tả; dùng từ; đặt câu.</p>	0,75

	<i>Thời gian: 90 phút</i>
--	---------------------------

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Cuộc sống riêng không biết gì hết ở bên kia ngưỡng cửa nhà mình là một cuộc sống nghèo nàn, dù nó có đầy đủ tiện nghi đến đâu đi nữa. Nó giống như một mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy hoa thơm, sạch sẽ và gọn gàng. Mảnh vườn này có thể làm chủ nhân của nó êm ấm một thời gian dài, nhất là nếu lớp rào bao quanh không còn làm họ vướng mắt nữa. Nhưng hễ có một cơn dông tố nổi lên là cây cối sẽ bị bật khỏi đất, hoa sẽ nát và mảnh vườn sẽ xấu xí hơn bất kì một nơi hoang dại nào. Con người không thể hạnh phúc với một hạnh phúc mỏng manh như thế. Con người cần một đại dương mệnh mệnh bị bão táp làm nổi sóng, nhưng rồi lại phẳng lì và trong sáng như trước. Số phận của những cái tuyệt đối cá nhân, không bộc lộ ra khỏi bản thân, chẳng có gì đáng thêm muốn.

(Theo A. L. Ghéc-xen, *Ngữ văn 11, Tập hai*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.31)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Về bề ngoài đẹp đẽ của “*cuộc sống riêng không biết gì hết ở bên kia ngưỡng cửa nhà mình*” được thể hiện rõ nhất qua hình ảnh so sánh nào?

Câu 3. Tại sao tác giả cho rằng: “*Số phận của những cái tuyệt đối cá nhân, không bộc lộ ra khỏi bản thân, chẳng có gì đáng thêm muốn*”?

Câu 4. Anh/Chị suy nghĩ như thế nào về cuộc sống của con người khi thoát ra khỏi “*cái tuyệt đối cá nhân*”?

II, PHẦN LÀM VĂN (7 điểm)

Hãy phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật Chí Phèo (tác phẩm *Chí Phèo* – Nam Cao) khi nhận được sự quan tâm của thị Nở.

-----HẾT-----

:- HS không sử dụng tài liệu trong thời gian kiểm tra

-GV coi kiểm tra không giải thích gì thêm về đề bài và bài làm của học sinh).

Họ, tên thí sinh:.....SBD:.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
I	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận/ phương thức nghị luận.	0,50
I	2	Hình ảnh so sánh: <i>một mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy hoa thơm, sạch sẽ,</i>	0,50

I	3	Số phận của những cái tuyệt đối cá nhân, không bộc lộ ra khỏi bản thân, chẳng có gì đáng thèm muốn vì: - Đó là cuộc sống nghèo nàn. - Đó là hạnh phúc mỏng manh và sự êm ấm tạm thời.	0,50
I	4	Thể hiện suy nghĩ hợp lí, thuyết phục về cuộc sống thoát ra khỏi <i>cái tuyệt đối cá nhân</i> (có thể trình bày theo hướng: cuộc sống con người có ý nghĩa hơn khi xác lập được mối liên hệ giữa cái tôi với cái ta, giữa cá nhân với cộng đồng,...).	1,50

Câu 2 (7đ)	a/ Yêu cầu về kĩ năng: - Biết cách làm bài văn nghị luận văn học. - Kết cấu rõ ràng, diễn đạt lưu loát, trong sáng ; có tính biểu cảm. - Chữ viết rõ ràng, bài sạch sẽ; không mắc lỗi chính tả, diễn đạt.		
	b/ Yêu cầu về kiến thức: HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần đạt được các nội dung cơ bản sau:		
	- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận	0,5	
	- Tái hiện hoàn cảnh trước khi xảy ra sự việc: tình rượ, nhớ lại ao ước thời trai trẻ, lòng nao nao buồn; nhận ra cảnh ngộ cô độc của bản thân...	1,0	
	- Diễn biến tâm trạng khi nhận được sự quan tâm chăm sóc của thị Nở: + ngạc nhiên, xúc động, bàng khuâng, vừa vui vừa buồn, ăn năn; cảm nhận thấm thía giá trị của tình yêu thương... + trở nên hiền lành, muốn làm nũng với thị Nở; lo cho tương lai của mình khi không còn sức mà giật cướp, dọa nạt. + Thèm lương thiện, muốn làm hòa với mọi người; giải bày mong muốn chung sống cùng thị Nở...	4,5	
	- Nhận xét về nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật và ý nghĩa của việc miêu tả đó.	1,5	
- Nêu cảm nghĩ về nhân vật và tấm lòng nhân đạo của nhà văn.	0,5		

* **Lưu ý:** - HS chỉ đạt điểm tối đa cho mỗi ý ở mục yêu cầu về kiến thức khi cùng với yêu cầu về kiến thức phải đạt được những yêu cầu về kĩ năng.
- Điểm trừ cho kĩ năng làm bài tối đa là 1,0 điểm.

ĐỀ 8	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NGỮ VĂN LỚP 11 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	---

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

QUÁN HÀNG PHÙ THỦY

Một phù thủy
Mở quán hàng nho nhỏ
“Mời vào đây
Ai muốn mua gì cũng có!”

Tôi là khách đầu tiên
Từ bên trong
Phù thủy lộ ra nhìn:
“Anh muốn gì?”

“Tôi muốn mua tình yêu,
Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn...”
“Hàng chúng tôi chỉ bán cây non
Còn quả chín, anh phải trồng. Không bán!”

(K. BadjadjoPradip – Thái Bá Tân dịch)

Câu 1. Bài thơ trên có sự kết hợp những phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Câu nói: “Mời vào đây - Ai muốn mua gì cũng có!” cho thấy điều gì ở phù thủy? (0,75 điểm)

Câu 3. Mong muốn của vị khách “Tôi muốn mua tình yêu, - Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn...” cho thấy vị khách là người như thế nào? (0,75 điểm)

Câu 4. Em có đồng tình với quan điểm của phù thủy ở hai câu thơ cuối bài thơ không? (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Từ nội dung của bài thơ *Quán hàng phù thủy* ở phần Đọc hiểu, em hãy viết 01 đoạn văn

Trang 1/2

(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: *Làm thế nào để có hạnh phúc?*

Câu 2: (5.0 điểm)

Phân tích một vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Huân Cao trong tác phẩm *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: NGỮ VĂN 11

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		3,0
	1	- Biểu cảm và tự sự.	0,50
	2	- Phù thủy là người có quyền năng vô hạn, có thể đáp ứng tất cả các nhu cầu, mong muốn của “khách hàng”.	0,75
	3	- Vị khách là người đang khao khát có được những điều tốt đẹp nhất trên đời này như tình yêu, hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn...	0,75

		Song, cũng có thể hiểu vị khách – trong tình huống này – là một người khá khôn ngoan và hóm hỉnh, đang muốn “thử” xem phù thủy có khả năng đáp ứng tất cả các nhu cầu, mong muốn của “khách hàng” hay không.	
	4	<p>- Tình yêu, hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn... như những thứ “quả chín” mà quán hàng phù thủy lại chỉ bán “cây non”. Muốn có được những thứ “quả chín” ấy thì “khách hàng” phải có thời gian, công sức để “trồng” những cái “cây non” tình yêu, hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn, ngay cả phù thủy – người có quyền năng vô hạn cũng không thể tạo ra những giá trị ấy.</p> <p>- HS có thể bày tỏ sự đồng tình hoặc phản đối với quan điểm đó của phù thủy. Câu trả lời cần hợp lí, có sức thuyết phục.</p>	1,0
II	LÀM VĂN		
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: <i>Làm thế nào để có hạnh phúc?</i>	2,0
		a. Đảm bảo cấu trúc một đoạn văn	0,25
		Có đủ các phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. <i>Mở đoạn</i> nêu được vấn đề, <i>thân đoạn</i> triển khai được vấn đề, <i>kết đoạn</i> kết luận được vấn đề	
		b. Xác định vấn đề nghị luận: <i>Làm thế nào để có hạnh phúc?</i>	0,25
		c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau:	1,0
		<p>- Vậy hạnh phúc là gì? Hạnh phúc là biểu thị thái độ sung sướng về một điều gì đó trong cuộc sống làm ta thấy thỏa mãn.</p> <p>- Quan niệm về hạnh phúc: Hạnh phúc đôi khi không phải tìm kiếm đâu xa xôi, nó vẫn ở ngay trước mắt chúng ta đấy thôi.</p> <p>- Hạnh phúc mang đến cuộc sống của ta những giá trị: Sống có mục đích, lạc quan hơn và niềm vui sẽ đi cùng bạn để hình thành đạo quân bất khả chiến bại chống lại nghịch cảnh.</p> <p>- Chúng ta phải làm gì để có hạnh phúc: Hãy chia sẻ niềm vui của mình cho người khác. Bởi thế hãy tập trân trọng những gì ta đang có - hạnh phúc giản dị nhưng nếu mất đi sẽ mãi chẳng thể lấy lại được.</p>	
		c. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
		2	Phân tích một vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Huân Cao trong tác phẩm <i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân
		a. Yêu cầu về kĩ năng:	
		<p>- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (Có đủ phần mở bài, thân bài, kết bài).</p> <p>- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; cảm nhận sâu sắc; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p>- Không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng.</p>	0,50
		b. Yêu cầu về kiến thức: Bài viết phải đảm bảo các ý sau	

	<p>* Giới thiệu chung: - Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận.</p>	0,50
	<p>* Phân tích một vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Huấn Cao trong tác phẩm <i>Chữ người tử tù</i> Nhân vật Huấn Cao trong tác phẩm <i>Chữ người tử tù</i> của nhà văn Nguyễn Tuân được khắc họa với ba vẻ đẹp tiêu biểu: - Tài hoa nghệ sĩ; - Khí phách hiên ngang; - Thiên lương trong sáng. Học sinh có thể lựa chọn một trong ba vẻ đẹp trên để phân tích. Ví dụ: Khí phách hiên ngang của Huấn Cao được tô đậm thông qua khá nhiều chi tiết: + Huấn Cao là người đứng đầu của bọn phản nghịch chống lại triều đình. + Huấn Cao là một tên tù có tiếng là nguy hiểm, có tài bẻ khóa vượt ngục. + Huấn Cao là một tên tù nổi tiếng là nguy hiểm lại mang trọng tội => Huấn Cao là người có khí phách hiên ngang, <i>chọc trời khuấy nước</i> của một người anh hùng</p>	3.0
	<p>*Đánh giá : - Khẳng định vẻ đẹp được lựa chọn để phân tích không tách rời các vẻ đẹp khác trong hình tượng nghệ thuật. - Để khắc họa thành công vẻ đẹp đó, tác giả đã dày công xây dựng nhân vật Huấn Cao, đặt nhân vật trong tình huống truyện độc đáo, sử dụng thành công thủ pháp đối lập, tương phản và lựa chọn thứ ngôn ngữ gót cạnh, giàu hình ảnh, có tính tạo hình, vừa cổ kính vừa hiện đại.</p>	0,50
	<p>c. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. Hành văn trong sáng.</p>	0,25
	<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0,25
Tổng điểm		10.0

.....Hết.....

ĐỀ 9	<p>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NGỮ VĂN LỚP 11 <i>Thời gian: 90 phút</i></p>
-------------	--

Phần I: Đọc – hiểu (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

Ai về thăm mẹ quê ta
Chiều nay có đứa con xa nhớ thăm ...
Bầm ơi có rét không bầm !
Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn
Bầm ra ruộng cấy bầm run
Chân lội dưới bùn tay cấy mạ non
Mạ non bầm cấy mấy đon
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần
Mưa phùn ướt áo tứ thân
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu !
Bầm ơi sớm sớm chiều chiều
Thương con bầm chớ lo nhiều bầm nghe !
Con đi trăm núi ngàn khe
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm
Con đi đánh giặc mười năm
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.
Con ra tiền tuyến xa xôi
Yêu bầm yêu nước cả đôi mẹ hiền.
Con đi, con lớn lên rồi
Chỉ thương bầm ở nhà ngồi nhớ con !
Nhớ con, bầm nhé đừng buồn
Giặc tan, con lại sớm hôm cùng bầm.
Mẹ già tóc bạc hoa râm
Chiều nay chắc cũng nghe thăm tiếng con ...

(Trích “Bầm ơi, Tố Hữu)

Câu 1: Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào ? (0,5 điểm)

Câu 2: Nêu tác dụng của thể thơ đối với việc bộc lộ tâm trạng của nhân vật trữ tình ? (0,5 điểm):

Câu 3: Chỉ ra thành phần gọi – đáp trong đoạn thơ trên ? (0,5 điểm)

Câu 4: Nêu nội dung chính của đoạn thơ ? (0,5 điểm):

Câu 5: Từ cảm nhận về đoạn thơ, anh/chị hãy nêu suy nghĩ của mình về tình mẫu tử (trình bày trong khoảng 5-7 dòng) (1,0 điểm):

Phần II: Làm văn (7,0 điểm)

Anh/ chị hãy phân tích cảnh Huân Cao cho chữ viên quan coi ngục trong tác phẩm “Chữ người tử tù” (Nguyễn Tuân)

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHM MÔN NGỮ VĂN 11 (HỌC KỲ I)

Phần	Câu	Điểm
I Độc hiểu	1	- Đoạn thơ được viết theo thể lục bát (6/8) 0,5
	2	- Tác dụng: Thể lục bát mang âm hưởng nhẹ nhàng, thiết tha, đầm ấm góp phần thể hiện tâm trạng yêu thương, nhớ mong của người chiến sĩ ngoài mặt trận dành cho người mẹ già ở quê hương. 0,5
	3	- Thành phần gọi – đáp: “Bầm ơi” 0,5

	4	- Nội dung chính: Đoạn trích thể hiện tình cảm yêu thương tha thiết của người chiến sĩ dành cho người mẹ vất vả, lam lũ nơi quê nhà. Trong đoạn thơ, hình ảnh người mẹ trung du hiện lên thật bình dị với yêu thương sâu nặng dành cho những đứa con đang ngày đêm cầm súng canh giữ sự bình yên của Tổ quốc.	0,5
	5	Học sinh có nhiều cách trình bày, tuy nhiên có thể theo định hướng sau: <i>Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng cao quý mà mỗi người chúng ta đều phải trân trọng. Đó là tình cảm tốt đẹp nhất mà ta được hưởng trên cõi đời này, tình cảm đó sẽ bồi đắp tâm hồn ta, nâng niu tâm hồn ta, trở thành điểm tựa cho ta trên mỗi bước đường đời ...</i>	1,0
Phần II: Làm văn	6	1.Mở bài: Nguyễn Tuân được đánh giá là một trong những cây bút tài hoa nhất của nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong các sáng tác của Nguyễn Tuân, các nhân vật thường được miêu tả, nhìn nhận như một nghệ sĩ . Và tác phẩm “Chữ người tử tù” cũng được xây dựng bằng cách nhìn nhận như vậy. Bên cạnh đó, nhà văn đã khéo léo sáng tạo lên một tình huống truyện vô cùng độc đáo. Đó là cảnh cho chữ trong nhà giam- là phần đặc sắc nhất của thiên truyện này “một cảnh tượng xưa nay chưa từng có”.	1,0
		2.Thân bài * Giới thiệu tóm tắt về nhân vật Huân Cao - Huân Cao vốn là kẻ đại nghịch dám khởi nghĩa chống lại triều đình đương thời. Khởi nghĩa thất bại, ông bị coi là giặc bị bắt giam và xử án tử hình. - Những ngày đầu trong nhà lao, Huân Cao tỏ ra lãnh đạm, coi thường viên quan coi ngục, nhưng sau khi biết sở thích cao quý của ngục quan, ông đã đồng ý cho chữ.	0,5
		* Phân tích cảnh cho chữ - Cảnh cho chữ : “ Một cảnh tượng xưa nay chưa từng có” + Hoàn cảnh và địa điểm cho chữ : thường được diễn ra ở những nơi thư phòng, còn ở đây lại diễn ra giữa nhà tù –nơi ngự trị của bóng tối, cái ác -> những thứ thù địch với cái đẹp.	1,0
		+ Tư thế của những người cho chữ và nhận chữ cũng “xưa nay chưa từng có”: kẻ có quyền hành thì không có “quyền uy”.”Uy quyền” thuộc về Huân Cao- kẻ bị tước đi mọi thứ quyền. Người nắm quyền sinh, quyền sát thì “khúm núm”, “run run”, trong khi kẻ tử tù thì ung dung , đường bệ .Kẻ có chức năng giáo dục tội phạm thì đang được tội phạm “giáo dục”.	1,0
		- Cho lời khuyên: + Nội dung lời khuyên: Huân Cao khuyên viên quản ngục từ bỏ chốn ngục tù nhơ bẩn, tìm về chốn thanh tao để tiếp tục sở nguyện cao quý và giữ thiên lương cho lành vững. + Ý nghĩa. của lời khuyên: Là lời di huấn của Huân Cao (cũng là của nhà văn) nhắn tới quản ngục và tất cả mọi người : Muốn chơi chữ phải giữ lấy thiên lương ; trong môi trường của cái ác, cái đẹp khó tồn tại vững bền; Chữ nghĩa, thiên lương không thể sống chung với tội ác và nơi ngục tù đen tối. .	1,0
		+ Tác dụng của lời khuyên : Hành động bá lĩnh của ngục quan ...và sức mạnh cảm hóa con người.Bằng con đường của trái tim, sức mạnh ấy càng	0,5

	được nhân lên gấp bội.	
	<p>* Đặc sắc về nghệ thuật của đoạn văn:</p> <p>+ Thủ pháp tương phản : đối lập giữa ánh sáng và bóng tối; giữa cái hỗn độn xô bồ của nhà giam với cái thanh khiết, cao cả của nền lụa trắng, nét chữ đẹp và thoi mực thơm; giữa kẻ tử tù đang ban phát cái đẹp, cái thiện với viên quan coi ngục “khúm núm”, “lĩnh hội” à làm nổi bật tư thế của Huân Cao với sự vươn lên, thẳng thắn của ánh sáng với bóng tối, cái đẹp với cái xấu xa như bản; cái thiện với cái ác....</p> <p>+ Nhịp điệu chậm rãi, câu văn giàu hình ảnh, sử dụng nhiều từ Hán Việt ...à gọi lên không khí thiêng liêng, trang trọng của cảnh cho chữ</p>	1,0
	<p>3.Kết bài:</p> <p>Tóm lại, qua đoạn văn , Nguyễn Tuân thể hiện niềm tin vững chắc vào con người .Nhà văn khẳng định: Thiên lương là bản tính tự nhiên của con người.Dù trong hoàn cảnh nào, con người vẫn luôn khao khát hướng tới CHÂN- THIỆN- MỸ ---. Đây chính là chiều sâu giá trị nhân văn của tác phẩm.</p>	1,0

Lưu ý :

- Điểm trừ tối đa đối với bài viết không đảm bảo bố cục bài văn nghị luận là 2.0 điểm.
- Điểm trừ tối đa với bài làm mắc nhiều lỗi lập luận là 1.0 điểm.
- Điểm trừ tối đa đối với bài viết có nhiều lỗi diễn đạt, chính tả là 0.5 điểm.

.....&.....

ĐỀ 10	<p>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NGỮ VĂN LỚP 11 <i>Thời gian: 90 phút</i></p>
--------------	--

I. Phần đọc hiểu (4, 0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu đến câu 4:

Trung thực thường là một trong những tiêu chí hàng đầu để các nhà tuyển dụng đánh giá, lựa chọn ứng viên. Có một định nghĩa rất thú vị về trung thực do Tổ chức Giáo dục giá trị sống toàn cầu giới thiệu “Trung thực là sự thống nhất trong suy nghĩ, lời nói và hạnh động”

Trong giao tiếp, suy nghĩ bên trong của chúng ta không chỉ thể hiện qua lời nói mà còn “ xuất hiện ” qua cử chỉ, nét mặt, âm giọng, tư thế ngồi,... Thông thường ngôn ngữ cơ thể không biết nói dối ! Vì thế, nhà tuyển dụng không chỉ lắng nghe những điều bạn nói mà còn qua sát để “đọc” tính trung thực của lời nói qua thứ “ngôn ngữ không lời ” mà bạn thể hiện.

(Trích **Nói thật bằng lời và không lời**, Theo Tuoitreonline, Bài tập Ngữ văn 11, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr. 122)

Câu 1. Đoạn trích thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (0, 5 điểm)

Câu 2: Hãy chỉ ra những biểu hiện của “ ngôn ngữ không lời ” trong đoạn trích này. (0, 5 điểm)

Câu 3 : Tại sao tác giả cho rằng : “ Nhà tuyển dụng không chỉ lắng nghe những điều bạn nói mà còn quan sát để “ đọc ” tình trung thực của lời nói qua thứ “ ngôn ngữ không lời ” mà bạn thể hiện “ ? (1,0 điểm)

Câu 4 : Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng ½ trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến : “ Trung thực là sự thống nhất trong suy nghĩ, lời nói và hành động ” (2,0 điểm)

II. Phần làm văn (6, 0 điểm)

Cảnh thu – tình thu trong Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến

CÂU CÁ MÙA THU

Áo thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo,
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo,
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối buông cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo

(Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.22)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn : NGỮ VĂN : LỚP 11

Phần 1 ĐỌC HIỂU 4,0 điểm

Câu 1 : Đoạn trích thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí 0,5 điểm

Câu 2: Những biểu hiện của “ ngôn ngữ không lời ” trong đoạn trích này là cử chỉ, nét mặt, âm giọng, tư thế ngồi,.. 0,5 điểm

Câu 3 : “Nhà tuyển dụng không chỉ lắng nghe những điều bạn nói mà còn qua sát để “ đọc ” tình trung thực của lời nói qua thứ “ ngôn ngữ không lời ” mà bạn thể hiện.vì :

- Suy nghĩ bên trong của chúng ta không chỉ thể hiện qua lời nói mà còn qua cử chỉ, nét mặt, âm giọng, tư thế ngồi...
- Thông thường, ngôn ngữ cơ thể không biết nói dối

Câu 4 :

- Ở câu này, giám khảo chấm điểm linh hoạt. Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.
- Học sinh trình bày suy nghĩ của mình với thái độ chân thành, nghiêm túc, hợp lý, thuyết phục. Có thể theo định hướng sau :
 - + Hiểu và chỉ ra được biểu hiện của sự thống nhất trong suy nghĩ, lời nói và hành động của con người.
 - + Khẳng định sự thống nhất trong suy nghĩ, lời nói và hành động là trung thực với chính mình và mọi người. Đó là đức tính cần thiết và quý báu giúp ta nâng cao phẩm giá, được mọi người tin yêu, kính trọng; làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội.

+ Rút ra bài học nhận thức và hành động phù hợp với bản thân

II LÀM VĂN

a Yêu cầu về kỹ năng

Học sinh biết cách làm bài nghị luận văn học. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, văn viết có cảm xúc, diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

b Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về tác giả Nguyễn Khuyến và bài thơ Câu cá mùa thu, học sinh có thể làm bài theo những cách khác nhau, nhưng phải đảm bảo những yêu cầu về kiến thức. Sau đây là một số gợi ý:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm 0,25 điểm
- Cảnh thu : được gợi lên từ những hình ảnh quen thuộc của làng quê đồng bằng Bắc Bộ (chiếc ao, chiếc thuyền, lá vàng, mây, ngô trúc...) với những đường nét thanh sơ của cảnh vật, màu sắc trang nhã : nước trong veo, sóng biếc, trời xanh ngắt; những chuyển động nhẹ nhàng : sóng hơi gợn tí, lá vàng khẽ đưa vèo, tầng mây lơ lửng,...
- -> Cảnh mùa thu mang nét thanh sơ, tĩnh lặng. Đó là bức tranh mùa thu đẹp, thơ mộng nhưng đượm một nỗi buồn.
- Tình thu : Qua dáng vẻ và cảm nhận thiên nhiên của nhân vật trữ tình, có thể thấy đằng sau cảnh chính là một tâm hồn nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên và một nỗi niềm tâm sự trĩu nặng (sự ưu tư về bản thân, tấm lòng vì nước vì dân...)
- -> Tình yêu thiên nhiên, tấm lòng yêu quê hương đất nước,

- Nghệ thuật : ngôn ngữ giản dị, giàu sức gợi hình; các thủ pháp nghệ thuật (lấy động tả tĩnh, tả tĩnh ngụ tình...)
- Khái quát chung

ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm

ĐỀ 11	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NGỮ VĂN LỚP 11 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	---

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho bố và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.”

(Trích *Nếu biết trăm năm là hữu hạn...*- Phạm Lữ

Ân)

Câu 1: (0.5 điểm) Gọi tên phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích và xác định câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn?

Câu 2: (1.0 điểm) Nêu nội dung chính của đoạn trích?

Câu 3: (1.0 điểm) Chỉ ra điểm giống nhau về cách lập luận trong 4 câu đầu của đoạn văn.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2 điểm) *Viết đoạn văn (khoảng 100 chữ) trình bày suy nghĩ của em về quan điểm “mỗi người trong chúng ta đều sinh ra với những giá trị có sẵn”.*

Câu 2. (5,0 điểm) : *Vì sao đêm đêm chị em Liên trong tác phẩm Hai đứa trẻ của Thạch Lam lại cố thức chờ đợi đoàn tàu chạy qua nơi phố huyện? Hãy phân tích ý nghĩa của việc chờ đợi tàu của chị em Liên.*

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1

Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận/Phương thức nghị luận (0.25đ)

Câu chủ đề: “*Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn*” (0.25đ)

- Mức đầy đủ: Hs trả lời như nội dung trên .
- Mức không tính điểm: không trả lời hoặc câu trả lời khác.

Câu 2

Nội dung: Mỗi người đều có giá trị riêng và cần biết trân trọng những giá trị đó.

- Mức đầy đủ: HS trả lời đầy đủ như nội dung trên (1.0 điểm)
- Mức không đầy đủ : Hs hiểu nhưng diễn đạt chưa rõ ràng hoặc diễn đạt còn thiếu (0,25 điểm)
- Mức không tính điểm: không trả lời hoặc câu trả lời khác.

Câu 3

Điểm giống nhau về cách lập luận: lập luận theo hình thức đưa ra giả định về sự không có mặt của yếu tố thứ nhất để từ đó khẳng định, nhấn mạnh sự có mặt mang tính chất thay thế của yếu tố thứ hai.

- Mức đầy đủ: Hs trả lời như nội dung trên (0.5 điểm)
- Mức không đầy đủ : Hs chỉ nêu được 1 ý hoặc nêu chung chung, không rõ ràng (0,25 điểm)
- Mức không tính điểm: không trả lời hoặc câu trả lời khác.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Có thể trình bày một số quan điểm:

Y	Nội dung	Biểu điểm
1	+ Khẳng định mỗi người trong chúng ta đều sinh ra với những giá trị có sẵn	1 điểm
2	+ Nhận thức được rằng mỗi người có một giá trị riêng vì vậy không nên mặc cảm, tự ti khi thua kém về mặt nào đó.	1 điểm

- Mức đầy đủ: Hs trả lời như nội dung trên (1 điểm cho mỗi ý)

- Mức không đầy đủ : Hs hiểu nhưng chưa diễn đạt rõ ràng như trên (0,5điểm)
- Mức không tính điểm: không trả lời hoặc câu trả lời khác.

Câu 2. (5,0 điểm) :

Ý	Nội dung	Biểu điểm
1	<p>Giới thiệu tác giả, tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thạch Lam là nhà văn có sở trường ở thể loại truyện ngắn. Ông thường viết về những người dân nghèo sống mòn mỏi, bết tắc ở những phố huyện nghèo nàn xơ xác bằng sự cảm thương sâu sắc.- Đọc truyện “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam, chúng ta không thể quên cảnh chị em Liên đêm đêm thức đợi đoàn tàu chạy qua phố huyện .	0.5 điểm
2	<p>Khái quát về Hai đứa trẻ trong truyện ngắn:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hai đứa trẻ là nhân vật trung tâm của tác phẩm. Toàn bộ bức tranh cảnh vật thiên nhiên và cuộc sống con người nơi phố huyện được miêu tả qua cái nhìn và cảm nhận của Liên.- Cũng giống như những người dân nơi phố huyện, hai đứa trẻ không được nhà văn miêu tả ngoại hình. Những con người đáng thương tội nghiệp nơi đây bị bóng tối che khuất gương mặt đời của họ. Liên là kiểu nhân vật tâm trạng trong sáng tác Thạch Lam, nhân vật ít hành động mà đầy áp suy tư rung cảm. Đặc biệt trong đoạn cuối cùng của tác phẩm hai chị em Liên đã chờ đợi chuyến tàu qua phố huyện nghèo với nhiều ý nghĩa.	0.5 điểm
3	<p>Hai chị em Liên đêm đêm cố thức đợi đoàn tàu từ Hà Nội về vì:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chuyến tàu là hoạt động cuối cùng của đêm khuya. Liên và An muốn nhìn chuyến tàu là muốn nhìn thấy một thế giới hoàn toàn khác với sự phẳng lặng tẻ nhạt, đơn điệu mà chúng đang sống.- Con tàu còn mang đến thế giới của kỉ niệm, đánh thức dậy trong hai chị em những kí ức về Hà Nội- nơi mà ở đó chúng đã có những ngày đẹp đẽ...- Nhìn thấy đoàn tàu không chỉ đơn thuần là một hành động thoả mãn thị giác mà nó còn lấp đầy khoảng trống trong tâm hồn chị em Liên bằng hoài niệm và những ước mơ, phần nào làm bớt đi sự tẻ nhạt trong cuộc sống hằng ngày của hai đứa trẻ	2 điểm
4	<p>Ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none">- Ánh sáng đoàn tàu vụt qua phố huyện với “các toa đèn sáng trưng” là nỗi khát khao chờ đợi của Liên. Đó là ánh sáng của khát vọng, của ước mơ về một cuộc sống tươi mới hơn, đẹp đẽ hơn, ánh sáng của nhu cầu tinh thần được sống dù trong một khoảnh khắc.- Đó cũng là tình cảm nhân đạo sâu sắc của Thạch Lam, nhà văn	1.5 điểm

	luôn tin tưởng vào khả năng vươn dậy của con người.	
5	<p>Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none">- Liên là một nhân vật vừa đậm chất hiện thực vừa đậm chất trữ tình được xây dựng qua ngòi bút tài hoa của Thạch Lam. Thể hiện khả năng đi sâu vào thế giới nội tâm nhân vật, gợi tả những xúc động, những biến thái mơ hồ, mong manh tinh tế trong tâm hồn con người. Nhân vật hầu như ít hành động mà đầy ắp suy tư rung cảm.- Hai đứa trẻ thực sự như một bài thơ để lại cảm xúc vấn vương, man mác trong lòng người đọc. Trong hoàn cảnh xã hội- Xã hội đầy rẫy những bất công, mâu thuẫn, ngòi bút Thạch Lam vẫn biết nâng niu, trân trọng những vẻ đẹp tinh tế trong tâm hồn con người. Điều đó chứng tỏ Thạch Lam là một tâm hồn giàu yêu thương, giàu lòng nhân hậu với con người.	0.5 điểm

ĐỀ 12	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NGỮ VĂN LỚP 11 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	---

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:

Ông Huân Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười: “Về bảo với chủ người, tôi nay, lúc nào lính canh về trại nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó thuốc xuống đây ta cho chữ. Chữ thì quý thực. Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ. Đòi ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy Quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”.

(Trích “Chữ người tử tù”, Nguyễn Tuân)

Câu 1 (1,0 điểm)

Là người có tài viết chữ đẹp nhưng Huân Cao mới chỉ cho chữ những ai? Vì sao lại như vậy?

Câu 2 (1,0 điểm)

Tại sao Huân Cao lại vui vẻ nhận lời cho chữ quản ngục? Điều đó nói lên vẻ đẹp nào trong tâm hồn của Huân Cao?

Câu 3 (1,0 điểm)

“Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ.” là câu nói của nhân vật nào nói đến nhân vật nào trong truyện? Anh/chị cảm nhận gì về lối sống của nhân vật đã nói câu ấy?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Trong truyện *Chí Phèo* của nhà văn Nam Cao có đoạn:

Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hẳn thấy mắt hình như won wót. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hẳn được một người đàn bà cho. Xưa nay, nào hẳn có thấy ai tự nhiên cho cái gì. Hẳn vẫn phải dọa nạt hay là giật cướp. Hẳn phải làm cho người ta sợ. Hẳn nhìn bát cháo bốc khói mà bâng khuâng. Thị Nở thì chỉ nhìn trộm hẳn rồi lại toe toét cười. Trông thị thế mà có duyên. Tình yêu làm cho có duyên. Hẳn thấy vừa vui vừa buồn. Và một cái gì nữa giống như là ăn năn. Cũng có thể như thế lắm. Người ta hay hối hận về tội ác khi không đủ sức mà ác nữa. Thị Nở giục hẳn ăn nóng. Hẳn cầm lấy bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi cháo mới thơm làm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hẳn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo hành ăn rất ngon. Nhưng tại sao mãi đến tận bây giờ hẳn mới nếm mùi vị cháo?

[...]

Bát cháo húp xong rồi, thị Nở đỡ lấy bát cháo và múc thêm bát nữa. Hẳn thấy mình đấm bao nhiêu mồ hôi. Mồ hôi chảy ra trên đầu, trên mặt, những giọt to như giọt nước. Hẳn đưa tay áo quạt ngang một cái, quạt mũi, cười rồi lại ăn. Hẳn càng ăn, mồ hôi lại càng ra nhiều. Thị Nở nhìn hẳn, lắc đầu, thương hại. Hẳn thấy lòng thành trẻ con. Hẳn muốn làm nũng với thị như với mẹ. Ôi sao mà hẳn hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người? Đó là cái bản tính của hẳn, ngày thường bị lấp đi, hay trợn ồm thay đổi hẳn về sinh lí cũng thay đổi cả tâm lí nữa? Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác, phải là kẻ mạnh. Hẳn đâu còn mạnh nữa. Và có lúc hẳn ngẫm mình mà lo. Xưa nay hẳn chỉ sống bằng giật cướp và dọa nạt. Nếu không còn sức mà giật cướp, dọa nạt nữa thì sao? Đã đành, hẳn chỉ mạnh vì liều. Nhưng hẳn mơ hồ thấy rằng sẽ có một lúc mà người ta không thể liều được nữa. Bây giờ mới nguy! Trời ơi! Hẳn thêm lương thiện, hẳn muốn làm hòa với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hẳn. Thị có thể sống yên ổn với hẳn thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ thấy rằng hẳn cũng có thể không làm hại được ai. Họ sẽ lại nhận hẳn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện. Hẳn bản khoán nhìn thị Nở, như thăm dò. Thị vẫn im lặng, cười tin cẩn. Hẳn thấy tự nhiên nhẹ người. Hẳn bảo thị:

- *Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?*

Thị không đáp, nhưng cái mũi đỏ của thị như càng bạnh ra. Hẳn thấy thế cũng không có gì là xấu. Bằng một cái giọng nói và một vẻ mặt rất phong tình theo ý hẳn, hẳn bảo thị:

- *Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui.*

Thị lờm hẳn. Một người thật xấu khi yêu cũng lờm. Hẳn thích chí, khanh khách cười. Lúc tỉnh táo, hẳn cười nghe thật hiền. Thị Nở lấy làm bằng lòng lắm. Bây giờ thì mấy bát cháo ý chừng đã ngấm. Hẳn thấy lòng rất vui.

(*Ngữ văn 11*, tập I, NXB Giáo dục Việt Nam, 2013, tr. 150 - 151)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về đoạn trích trên.

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN CHẤM

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Học sinh có kĩ năng đọc hiểu văn bản; diễn đạt rõ ràng.
- Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học;
- Vận dụng tốt thao tác lập luận phân tích, so sánh;
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu kiến thức

Phần	Câu	Nội dung trả lời	Điểm
Đọc – hiểu	1	<ul style="list-style-type: none">- Huân Cao mới chỉ cho chữ “ba người bạn thân”.- Huân Cao là người có tâm hồn trong sáng, cao đẹp; trọng nghĩa: “không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối”.	1,0
	2	<ul style="list-style-type: none">- Do cảm <i>tấm lòng biệt nhỡn liên tài</i> và hiểu ra cái <i>sở thích cao quý</i> của quản ngục, Huân Cao đã nhận lời cho chữ.- Huân Cao chỉ cho chữ những người biết trân trọng cái tài và yêu quý cái đẹp.	1,0
	3	<ul style="list-style-type: none">- Đó là lời của Huân Cao nói đến quản ngục.- Câu nói bộc lộ lối sống của Huân Cao: sống là phải xứng đáng với những tấm lòng. Phụ tấm lòng cao đẹp của người khác là không thể tha thứ.	1,0
Làm văn	Nêu vấn đề	<ul style="list-style-type: none">- Sự quan tâm chăm sóc của thị Nở đã giúp Chí Phèo thức tỉnh phần người bấy lâu nay bị vùi lấp để khát khao hoàn lương, lương thiện.	0,5
	Cảm nhận	<ul style="list-style-type: none">- Chí Phèo ngạc nhiên, xúc động. Hành động chăm sóc đầy tình cảm yêu thương của thị Nở đã khiến Chí Phèo ăn năn.	1,0
		<ul style="list-style-type: none">- Từ xúc động, ăn năn, hồi tỉnh, Chí Phèo mong muốn được làm một người dân hiền lành, lương thiện.	1,0
		<ul style="list-style-type: none">- Chí Phèo khao khát hạnh phúc và một mái ấm gia đình.	1,5

		- Nghệ thuật: miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật; trần thuật; giọng điệu phong phú, có sự đan xen lẫn nhau...	1,5
Đánh giá		- Thông qua sự hồi sinh của Chí Phèo, nhà văn khẳng định: lương thiện, khát khao hạnh phúc là bản tính tự nhiên, tốt đẹp và mạnh mẽ của con người, không thể lực bạo tàn nào có thể hủy diệt.	1,0
		- Sống trên đời cần có sự quan tâm, chia sẻ và tình cảm yêu thương giữa con người với con người để giảm bớt thù hận, gìn giữ và nuôi dưỡng nhân tính, thậm chí có sức mạnh cảm hóa con người.	0,5

Lưu ý:

- Chấm điểm khuyến khích đối với những bài viết có sáng tạo.
- Chấm điểm 00 đối với bài làm hoàn toàn bị lạc đề hoặc không làm bài.

--- Hết ---

ĐỀ 13	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NGỮ VĂN LỚP 11 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	---

Câu 1. (2,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới.

*Gì sâu bằng những trưa hiu quạnh
Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!*

*Đâu những lưng cong xuống luống cày
Mà bùn hì vọng nước hương ngây
Và đâu hết những bàn tay ấy
Vãi giống tung trời những sớm mai.*

*Đâu những chiều sương phủ bãi đồng
Lúa mềm xao xác ở ven sông
Vẳng lên trong tiếng xe lừa nước
Một giọng hò đưa hổ nã nùng.*

(Trích “Nhớ đồng”, Tố Hữu)

a) Xác định phong cách ngôn ngữ chủ yếu của đoạn thơ. (0,25 điểm)

b) Đoạn thơ trên diễn tả tâm trạng gì của nhà thơ ? Những hình ảnh góp phần diễn tả rõ nét tâm trạng ấy. (0,75 điểm)

c) Anh/chị hiểu như thế nào về hình ảnh “*bàn tay vãi giống*” trong đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

d) Nêu tên và phân tích **một phép tu từ** có trong đoạn thơ. (0,5 điểm)

Câu 2. (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

[...] Trên các cột đèn tín hiệu ở Bờ hồ Hoàn Kiếm, người ta đã lắp đặt thiết bị mà khi người đi bộ bấm vào nút thì xe cộ sẽ dừng lại để mình đi qua. Thế nhưng, thiết bị ấy hình như chỉ có người nước ngoài sử dụng, còn người mình thì cứ thế mà băng qua đường. Phóng viên đứng quan sát một lúc lâu và tưởng chừng như đã có thể đưa ra nhận xét cuối cùng về thử nghiệm kia, thì một nhóm 9X đã dùng nút bấm đó. Nhà báo vui mừng nhận xét: “*Tương lai, 9X sẽ có ý thức giao thông tốt...*”

(Bài tập Ngữ văn 11, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007, trang 81)

Trình bày suy nghĩ của anh / chị sau khi đọc mẫu chuyện trên. (Bài viết không quá một trang giấy thi)

Câu 3. (5,0 điểm)

Phân tích hình ảnh chuyến tàu đêm chạy qua phố huyện trong truyện ngắn “*Hai đứa trẻ*” (Thạch Lam).

-----HẾT-----

Họ và tên học sinh: Số báo danh:

Chữ kí của 1 giám thi:

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1. (2 điểm)

a) Phong cách ngôn ngữ chủ yếu của đoạn thơ: Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. (0,25 điểm)

b) Đoạn thơ diễn tả một cách chân thực và rõ nét tâm trạng của nhà thơ: (0,25 điểm)

+ Tình cảm gắn bó máu thịt của nhà thơ đối với cuộc sống quê hương;

+ Nỗi nhớ nhung, thương nhớ quê hương tha thiết; tác giả đang trong dòng hồi ức miên man không dứt ...

- Những hình ảnh góp phần diễn tả tâm trạng của tác giả: *những trưa hiu quạnh, ruộng đồng quê, lưng cong, bùn hi vọng, những bàn tay, những chiều sương phủ bãi đồng, lúa mềm, tiếng xe lừa nước, giọng hò, ... (0,5 điểm)*

c) Ý nghĩa của hình ảnh “*bàn tay vãi giống*”: từ nghĩa đen là bàn tay vãi giống trên đồng ruộng (0,25 điểm) dẫn đến nghĩa bóng là bàn tay gieo sự sống mới cho đời (0,25 điểm).

d) Nêu tên và phân tích tác dụng của **một biện pháp tu từ**:

*Phép điệp ngữ (điệp từ / lặp từ / lặp từ ngữ / ...): *đâu những ... đâu những ... (0,25 điểm)*

*Tác dụng: (0,25 điểm)

+ Diễn tả tình cảm gắn bó sâu nặng của tác giả đối với quê hương; những hình ảnh của quê hương giờ chỉ còn nhìn thấy trong tưởng tượng bằng trái tim chứa thương nhớ;

+ Câu hỏi đầy trăn trở cứ lặp đi lặp lại phản ánh nỗi nhớ thương, khắc khoải và hoài vọng đau đáu khôn nguôi ...

Câu 2. (3,0 điểm)

1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: (0,25 điểm)

Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. *Mở bài* nêu được vấn đề, *thân bài* triển khai được vấn đề, *kết bài* kết luận được vấn đề.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: (0,5 điểm)

Đây là dạng đề mở nên thí sinh có thể lựa chọn các vấn đề khác nhau để bàn luận nhưng cần gắn với văn bản đã cho.

Gợi ý một số vấn đề: Ý thức về tham gia giao thông của người Việt Nam hiện nay (trong đó có thể hệ 9X); Một tương lai mới mở ra với thế hệ 9X biết kỉ luật, chấp hành tốt các quy định; ...

3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động:

- Giải thích: Từ mẩu chuyện, giải thích vấn đề đã nêu ra ở mở bài. (0,25 điểm)

- Bàn luận: (1,25 điểm)

+ Thí sinh trình bày nhận định, đánh giá ý nghĩa, tác dụng của vấn đề đề bằng cách lập luận và phân tích dẫn chứng để làm rõ vấn đề. (ví dụ: Tình trạng giao thông ở Việt Nam hiện nay và ý thức của người tham gia giao thông; Vì sao lại có những tình trạng như vậy; Biểu hiện; Ý thức của 9X; Thế hệ 9X ngày nay biết kỉ luật tốt; Tương lai đất nước phụ thuộc vào các thế hệ mai sau;...)

+ Bày tỏ thái độ, suy nghĩ của bản thân.

- Bài học nhận thức và hành động: Rút ra bài học phù hợp cho bản thân. (0,25 điểm)

4. Sáng tạo: (0,25 điểm)

Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.

5. Chính tả, dùng từ, đặt câu: (0,25 điểm)

Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Câu 3. (5,0 điểm)

a. Yêu cầu về kĩ năng:

Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học, kết cấu hợp lí, phân tích được ý nghĩa của hình tượng chuyến tàu đêm như một biểu tượng của vẻ đẹp tâm hồn và tình cảm yêu thương vô hạn của Thạch Lam với những người nghèo; diễn đạt trôi chảy; cách dùng từ, đặt câu mạch lạc; văn viết đúng chính tả.

b. Yêu cầu về kiến thức:

Trên cơ sở những hiểu biết về nhà văn Thạch Lam và truyện ngắn “Hai đứa trẻ”, học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm rõ được các ý cơ bản sau:

- Nêu được vấn đề cần nghị luận.

- Chuyến tàu đi qua phố huyện mang đến ánh sáng, làm huyên náo trong chốc lát rồi lại chìm vào bóng tối.

- Tâm trạng chị em Liên: hân hoan hạnh phúc khi tàu đến, băng khuâng lúc tàu đi qua.

- Con tàu mang theo ước mơ về một thế giới khác sáng sủa hơn và đánh thức trong Liên những hồi ức về Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực và huyên náo.

- Chuyến tàu đêm là biểu tượng về một thế giới thật đáng sống với sự giàu sang và rực rỡ. Nó đối lập với cuộc sống mòn mỏi, nghèo nàn, tối tăm và quẩn quanh của người dân phố huyện.

- Tác giả sử dụng bút pháp tương phản, đối lập; giọng điệu thủ thỉ thâm đượm chất thơ, chất trữ tình sâu lắng.

- Đánh giá chung về ý nghĩa hình ảnh đã phân tích: “Hình tượng chuyến tàu đêm như một biểu tượng của vẻ đẹp tâm hồn và tình cảm yêu thương vô hạn của Thạch Lam với những người nghèo”

Cách cho điểm:

Điểm 5: Bài làm đáp ứng tốt những yêu cầu trên, có sáng tạo, phát hiện mới mẻ đáng trân trọng, có thể có một số sai sót không đáng kể.

Điểm 4: Bài làm đáp ứng tương đối tốt những yêu cầu trên, mắc ít lỗi diễn đạt, chính tả.

Điểm 3: Bài làm đáp ứng được ½ các yêu cầu trên, mắc ít lỗi diễn đạt, chính tả.

Điểm 2: Bài làm còn sơ sài, mắc nhiều lỗi chính tả và diễn đạt.

Điểm 1: Bài làm còn sơ sài, mắc rất nhiều lỗi chính tả và diễn đạt.

Điểm 0: Bài làm hoàn toàn lạc đề.

ĐỀ 14	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NGỮ VĂN LỚP 11 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	---

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi:

*Biển mùa này sóng dữ phía Hoàng Sa
Các con mẹ vẫn ngày đêm bám biển
Mẹ Tổ quốc vẫn luôn ở bên ta
Như máu ấm trong màu cờ nước Việt*

*Biển Tổ quốc đang cần người giữ biển
Máu ngư dân trên sóng lại chan hòa
Máu của họ ngân bài ca giữ nước
Để một lần Tổ quốc được sinh ra*

(Trích *Tổ quốc ở Trường Sa* - Nguyễn Việt Chiến)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định nghĩa của từ “*Mẹ Tổ quốc*” trong đoạn thơ trên.

Câu 2 (1,0 điểm): Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của 02 biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 3 (0,5 điểm): Nội dung chính của đoạn thơ trên?

Câu 4 (1,0 điểm): Anh/chị hãy nêu trách nhiệm bảo vệ biển đảo quê hương của mỗi công dân trong hoàn cảnh hiện tại.

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 300 chữ) trình bày suy nghĩ của anh /chị về tình yêu quê hương, đất nước.

Câu 2 (5,0 điểm): Phân tích nhân vật Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao để thấy được nỗi thống khổ vì bị cự tuyệt quyền làm người.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Xác định nghĩa của từ “ <i>Mẹ Tổ quốc</i> ”: Chi hình tượng Đất nước; Sự gần gũi, yêu thương, che chở cho người dân biển.	0,5
	2	Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật - Xác định được 02 biện pháp tu từ trong 03 biện pháp tu từ sau: + Điệp từ: <i>biển, máu, Tổ quốc</i> + Ẩn dụ: <i>Mẹ Tổ quốc vẫn luôn ở bên ta.</i> + So sánh: <i>Như máu ấm trong màu cờ nước Việt.</i> - Hiệu quả nghệ thuật: thể hiện tình cảm gắn bó thiết tha, máu thịt với biển đảo quê hương và quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc.	1,0
	3	Nội dung chính: Sự cảm phục/ngợi ca tinh thần dũng cảm, kiên cường của ngư dân trên biển cả.	0,5
	4	Trách nhiệm bảo vệ biển đảo quê hương: - Khẳng định biển đảo là một phần lãnh thổ của Tổ quốc. - Mỗi cá nhân đều phải có ý thức trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Trình bày suy nghĩ về tình yêu quê hương, đất nước.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Tình yêu quê hương, đất nước.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i>	1,0
		Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ tình yêu quê hương, đất nước là tình cảm thiêng liêng, tốt đẹp của con người. Có thể theo hướng sau: - Tình yêu quê hương: là thứ tình cảm gắn bó yêu mến, vun đắp, dựng xây quê hương ngày càng giàu đẹp, đóng góp một phần sức	

		<p>lực của mình cho công cuộc xây dựng quê hương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình yêu quê hương gắn liền với yêu gia đình, làng xóm. Mỗi khi đi xa ai cũng trông ngóng về quê hương nơi mình sinh ra và lớn lên. - Phê phán những người quên đi cội nguồn, quên đi quê hương. - Mỗi cá nhân cần có trách nhiệm với quê hương, đất nước. 	
		<p><i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
		<p><i>e. Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận.</p>	0,25
	2	<p>Phân tích nhân vật Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao để thấy được nỗi thống khổ vì bị cự tuyệt quyền làm người.</p>	5,0
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích nhân vật Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao để thấy được nỗi thống khổ vì bị cự tuyệt quyền làm người.</p>	0,5
		<p><i>c. Triển khai vấn đề cần nghị luận</i> Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	
		<p>* Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm, nhân vật và luận đề.</p>	0,5
		<p>* Phân tích nhân vật Chí Phèo với bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người. Học sinh có thể phân tích theo nhiều cách nhưng cần đáp ứng các yêu cầu sau: - Về nội dung: + Hình tượng nhân vật Chí Phèo: ++ Một nông dân lương thiện, có lòng tự trọng, có ước mơ đẹp,... ++ Trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, mất nhân hình, nhân tính, đánh mất bản chất lương thiện của mình, rách mặt ăn vạ, bị lưu manh hóa, tha hóa,... ++ Sự thức tỉnh linh hồn của Chí Phèo. Sự gặp gỡ thị Nở khơi dậy bản năng sinh vật trong Chí, tình yêu thương làm thức dậy bản chất lương thiện trong Chí Phèo. Chí muốn trở lại thành người lương thiện nhưng bị cự tuyệt,... + Bi kịch vì bị cự tuyệt làm người: ++ Bi kịch tâm hồn đau đớn: bi kịch tinh thần của một con người sinh ra là người, nhưng không được công nhận làm người. ++ Sự thức tỉnh về quyền sống, quyền được làm người. Niềm khao khát được sống lương thiện cao hơn cả tính mạng.</p>	2,5

		<p>++ Giết kẻ thù và tự sát, cách giải thoát duy nhất để Chí Phèo trở về cuộc sống làm người.</p> <p>+ Giá trị nội dung:</p> <p>++ Giá trị hiện thực: tác giả lên án, tố cáo, vạch trần bộ mặt xấu xa, tàn bạo của xã hội đương thời đồng thời cảm thông, trân trọng đối với người nông dân lương thiện bị áp bức, bóc lột nặng nề,...</p> <p>++ Giá trị nhân đạo sâu sắc của Nam Cao: phát hiện, miêu tả phẩm chất tốt đẹp của người nông dân ngay cả khi bị xã hội thực dân nửa phong kiến tàn ác khiến họ mất cả nhân hình, nhân tính,...</p> <p>- Về nghệ thuật:</p> <p>+ Xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo.</p> <p>+ Ngôn ngữ giản dị, diễn đạt độc đáo.</p> <p>+ Tình tiết hấp dẫn, biến hóa giàu kịch tính.</p>	
		* Khái quát nội dung phân tích, đánh giá chung về về tác giả, tác phẩm, nhân vật.	0,5
		<i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận.	0,5
TỔNG ĐIỂM: 10,0			

-----HẾT-----

ĐỀ 15	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NGỮ VĂN LỚP 11 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	---

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi :

Anh ra khơi
Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng
Phút chia tay, anh dạo trên bến cảng
Biển một bên và em một bên.

Biển ồn ào, em lại dịu êm
Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ
Anh như con tàu, lẳng sóng từ hai phía

Biển một bên và em một bên.

Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn
Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lác
Thăm thẳm nước trời, nhưng anh không cô độc
Biển một bên và em một bên.

Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên
Bão thổi chưa ngừng trong những vành tang trắng
Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng
Biển một bên và em một bên.

Vòm trời kia có thể sẽ không em
Không biển nữa. Chỉ còn anh với cỏ
Cho dù thế thì anh vẫn nhớ
Biển một bên và em một bên.

(*Thơ tình người lính biển* - Trần Đăng Khoa)

Câu 1. Câu thơ “*Biển ồn ào, em lại dịu êm*” sử dụng biện pháp tu từ gì?

Câu 2. Hình ảnh “*những vành tang trắng*” trong câu thơ “*Bão thổi chưa ngừng trong những vành tang trắng*” có ý nghĩa biểu tượng như thế nào?

Câu 3. Câu thơ “*Biển một bên và em một bên*” được lặp lại trong cả 5 khổ thơ, điều đó có ý nghĩa gì?

Câu 4. Hình ảnh của người lính biển trong khổ thơ thứ 4.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. Nghị luận xã hội (2.0 điểm)

Từ những điều đã rút ra được trong phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về **lí tưởng sống** của thế hệ trẻ ngày nay?

Câu 2: Nghị luận văn học (5.0 điểm)

Bằng hiểu biết về tác phẩm **Chí Phèo** của Nam Cao, anh/chị hãy trình bày cảm nhận của mình về quá trình tha hóa của Chí Phèo từ người nông dân hiền lành, lương thiện thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại.

Trong xã hội ngày nay, ít nhiều ta vẫn bắt gặp những con người như Chí Phèo. Theo anh/chị làm thế nào để hạn chế hiện tượng này.

----HẾT----

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Câu thơ “ <i>Biển ôn ào, em lại dịu êm</i> ” sử dụng biện pháp tu từ: Đối lập	0.5
	2	Hình ảnh “ <i>những vành tang trắng</i> ” trong câu thơ “ <i>Bão thổi chưa ngừng trong những vành tang trắng</i> ” có ý nghĩa: - Nghĩa thực: vành khăn tang của những người dân có người chết vì thiên tai, bão tố. - Nghĩa biểu tượng: những nỗi đau mà đất nước đã từng trải qua không chỉ là nỗi đau thiên tai bão lũ mà còn là những mất mát của chiến tranh.	1.0
	3	Câu thơ “ <i>Biển một bên và em một bên</i> ” được lặp lại trong cả 5 khổ thơ, điều đó có ý nghĩa: Khẳng định trong tâm hồn người lính biển, tình yêu lứa đôi luôn hòa quyện với tình yêu biển trời tổ quốc.	0.5
	4	Người lính vượt lên mọi khó khăn, gian khổ, hi sinh, cầm chắc tay súng nơi đảo xa để bảo vệ tổ quốc.	1.0
II		LÀM VĂN	
	1	<i>Từ những điều đã rút ra được trong phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về lí tưởng sống của thế hệ trẻ ngày nay?</i>	2,0
		a. Đảm bảo hình thức: Viết đoạn văn khoảng 200 chữ.	0,25
		b. Triển khai vấn đề nghị luận; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động.	

	<p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí tưởng sống : Mục đích sống tốt đẹp mà mỗi người muốn hướng đến, là lí do, mục đích mà mỗi con người mong mỗi đạt được. - Người có lí tưởng sống cao đẹp là người luôn suy nghĩ và hành động đề hoàn thiện mình, giúp ích cho mình, gia đình, xã hội và đất nước. <p>* Phân tích, bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề. - Đưa dẫn chứng và phân tích ngắn gọn để chứng minh tính đúng đắn của vấn đề. + Mỗi người luôn muốn sống hạnh phúc, đủ đầy; tự kiếm tìm hạnh phúc, lẽ sống (lí tưởng). + Có mục đích sống, có lí tưởng để theo đuổi, cuộc sống sẽ có ý nghĩa. + Mỗi giai đoạn, mỗi thời kì con người đều cần có lí tưởng sống cao đẹp: Từ thời Bà Trưng, Trần Quốc Toản,...Đến hôm nay khi đất nước hòa bình và đang phát triển thì lí tưởng sống cao đẹp của thanh niên, thế hệ trẻ càng rộng hơn. - Phê phán những người hờ hững với mọi thứ, sống theo quan niệm được đến đâu hay đến đấy, lo kiếm tiền, từ đó bị xã hội lên án, trở nên cô độc, ích kỉ. - Bài học nhận thức và hành động + Tự nhìn nhận lại cách sống + Sẵn sàng khi đất nước cần 	1,0
	c. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.25
	d. Sáng tạo: có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	0,5
2	<p>Bằng hiểu biết về tác phẩm <i>Chí Phèo</i> của Nam Cao, anh/chị hãy trình bày cảm nhận của mình về quá trình tha hóa của Chí Phèo từ người nông dân hiền lành, lương thiện thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại.</p> <p>Trong xã hội ngày nay, ít nhiều ta vẫn bắt gặp những con người như Chí Phèo. Theo anh/chị làm thế nào để hạn chế hiện tượng này.</p>	5,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài , thân bài, kết bài. <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề, <i>thân bài</i> triển khai được vấn đề, <i>kết bài</i> kết luận được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Cảm nhận của mình về quá trình tha hóa của Chí Phèo từ người nông dân hiền lành, lương thiện thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại. Qua đó nhận ra trong xã hội ngày nay, ít nhiều ta vẫn bắt gặp những con người như Chí Phèo. Từ đó chỉ ra biện pháp để hạn chế hiện tượng này.	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện suy nghĩ của bản thân và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.	3,5
	* Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận	0,5

	<p>* Đánh giá:</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Chí Phèo người nông dân hiền lành, lương thiện: Áu thơ bất hạnh - lớn lên - năm 20 tuổi. →Chí Phèo là một hiện tượng cá biệt về hoàn cảnh xuất thân nhưng mang những phẩm chất chung của người nông dân lương thiện.</p> <p>+ Chí Phèo trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại: Nguyên nhân - sự thay đổi về nhân hình, nhân tính. →Chí Phèo hoàn toàn thay đổi khiến cả làng Vũ Đại ai cũng phải tránh xa.</p> <p>- Nghệ thuật: xây dựng nhân vật điển hình, tình tiết hấp dẫn, kết cấu truyện mới mẻ,...</p>	2,0
	<p>- Liên hệ:</p> <p>+ Xã hội ngày nay ít nhiều vẫn còn hiện tượng Chí Phèo nhưng đã có sự biến tướng: đó là những người suốt ngày chỉ rượu chè, cờ bạc, nghiện ngập, trộm cắp,... không chăm lo cho bản thân, gia đình, trở thành gánh nặng cho xã hội.</p> <p>+ Giải pháp: Bản thân mỗi người phải tự ý thức trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tạo điều kiện cho những người lầm đường lỡ bước được tái hòa nhập cộng đồng. Tạo công ăn việc làm phù hợp cho những người lạc lối muốn hoàn lương. Giảm bớt chênh lệch giàu nghèo và tình trạng bóc lột trong xã hội, ...</p> <p>+ Khẳng định luận đề, rút ra bài học cho bản thân.</p>	1,0
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	e. Sáng tạo: có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,5
ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,0 điểm.		